

LỜI NÓI ĐẦU

Kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động tài chính Nhà nước nói chung và hoạt động tài chính Doanh nghiệp nói riêng. Với sự phát triển kinh tế như hiện nay là có sự đóng góp không nhỏ của các doanh nghiệp trong nước. Doanh nghiệp muốn kinh doanh có hiệu quả trước hết phải tổ chức công tác quản lý tốt, để tình hình hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên và linh hoạt phải nắm bắt được chế độ, hạch toán một cách nghiêm ngặt, đặc biệt đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới hạch toán vốn bằng tiền.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH 1.TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh, nhận thức được tầm quan trọng của vốn bằng tiền em xin chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh”**.

Ngoài Lời nói đầu & Kết luận, bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương I : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh.

Chương III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh.

Trong thời gian thực hiện bài khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ThS. Nguyễn Thị Mai Linh và cán bộ phòng kế toán Công ty. Do thời gian thực tập có hạn, việc thu thập tài liệu, tìm hiểu về công tác kế toán tại Công ty còn chưa sâu và do kiến thức thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP:

1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, được thể hiện dưới hình thái tiền tệ, bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc hoặc các Công ty tài chính và tiền đang chuyển.

Vốn bằng tiền có tính lưu hoạt cao nhất trong các loại tài sản của doanh nghiệp, được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí.

Trong quá trình SXKD, vốn bằng tiền là tài sản linh hoạt nhất, sự luân chuyển của nó liên quan đến hầu hết các giai đoạn SXKD chủ yếu của doanh nghiệp như: thanh toán tiền mua hàng cho người bán hoặc trả các khoản nợ phải trả... và là kết quả của quá trình bán hàng hay thu hồi các khoản nợ phải thu.

Như vậy, qua sự luân chuyển của vốn bằng tiền người ta có thể kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Mặt khác, số hiện có của vốn bằng tiền còn phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp.

Để thực hiện tốt việc quản lý Vốn bằng tiền kế toán cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền. Thực hiện kiểm tra và đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, thống nhất các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán vốn bằng tiền nhằm thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện kịp thời các trường hợp chi tiêu lãng phí.

- So sánh, đối chiếu kịp thời, thường xuyên giữa sổ quỹ tiền mặt với sổ kiểm kê thực tế nhằm kiểm tra, phát hiện kịp thời các trường hợp sai lệch để kiến nghị các biện pháp xử lý.

1.1.2. Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:

- Để quản lý hạch toán chính xác tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung bảo đảm tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

- Thủ quỹ do giám đốc doanh nghiệp chỉ định và chịu trách nhiệm về quỹ, không được nhờ người làm thay mình, không được kiêm nhiệm công tác kế toán, không được làm công tác tiếp liệu, mua, bán vật tư, hàng hóa.

- Tất cả các khoản thu, chi đều phải có các chứng từ thu, chi hợp lệ, chứng từ phải có chữ ký của giám đốc doanh nghiệp và của kế toán trưởng.

- Trước khi phát hành Séc để thanh toán, phải kiểm tra số lượng, giá trị các khoản chi, tránh việc phát hành Séc quá số dư.

- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký Séc.

1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

- Phải sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp liên doanh có thể sử dụng đơn vị ngoại tệ để ghi sổ nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tài chính.

- Trường hợp kế toán Vốn bằng tiền liên quan đến ngoại tệ:

Theo Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

Một giao dịch bằng ngoại tệ là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một DN:

- + Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ;
- + Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ;
- + Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện;
- + Mua hoặc thanh lý các tài sản; phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ;
- + Dùng một loại tiền tệ này để mua, bán hoặc đổi lấy một loại tiền tệ khác.

Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch.

Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỷ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch. Ví dụ tỷ giá trung bình tuần hoặc tháng có thể được sử dụng cho tất cả các giao dịch phát sinh của mỗi loại ngoại tệ trong tuần, tháng đó. Nếu tỷ giá hối đoái giao động mạnh thì doanh nghiệp không được sử dụng tỷ giá trung bình cho việc kế toán của tuần hoặc tháng kế toán đó.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ hoặc trong việc báo cáo các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của một doanh nghiệp theo các tỷ giá hối đoái khác với tỷ giá hối đoái đã được ghi nhận ban đầu, hoặc đã được báo cáo trong báo cáo tài chính trước, được xử lý như sau:

- + Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ

giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi TSCĐ hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

+ Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được ghi nhận là thu nhập, hoặc chi phí trong năm tài chính, ngoại trừ chênh lệch tỷ giá hối đoái quy định trong đoạn 12c, 14, 16 (của Chuẩn mực 10).

+ Đối với doanh nghiệp sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái giữa ngày giao dịch và ngày thanh toán của mọi khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Khi giao dịch phát sinh và được thanh toán trong cùng kỳ kế toán, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán trong kỳ đó. Nếu giao dịch được thanh toán ở các kỳ kế toán sau, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính theo sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng kỳ cho đến kỳ giao dịch đó được thanh toán.

- Đối với vàng, bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý cần theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất, giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị được tính theo giá thực tế (Giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho: Lifo, Fifo, Bình quân gia quyền, Giá thực tế đích danh.

1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ:

1.2.1. Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ:

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo 1 trong 4 phương pháp: Bình quân gia quyền, Lifo, Fifo, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại trên Tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý,

đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên lai thu tiền
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên bản kiểm kê quỹ
- Các chứng từ có liên quan...

1.2.3. Tài khoản sử dụng:

TK 111-“Tiền mặt”: dùng để phản ánh số tiền mặt hiện có và tình hình thu, chi tiền mặt.

* Kết cấu:

- Bên Nợ:
 - + Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý, kim khí quý nhập quỹ.
 - + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
 - + Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).
- Bên Có:
 - + Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý, kim khí quý xuất quỹ.
 - + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
 - + Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

- Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 – Tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

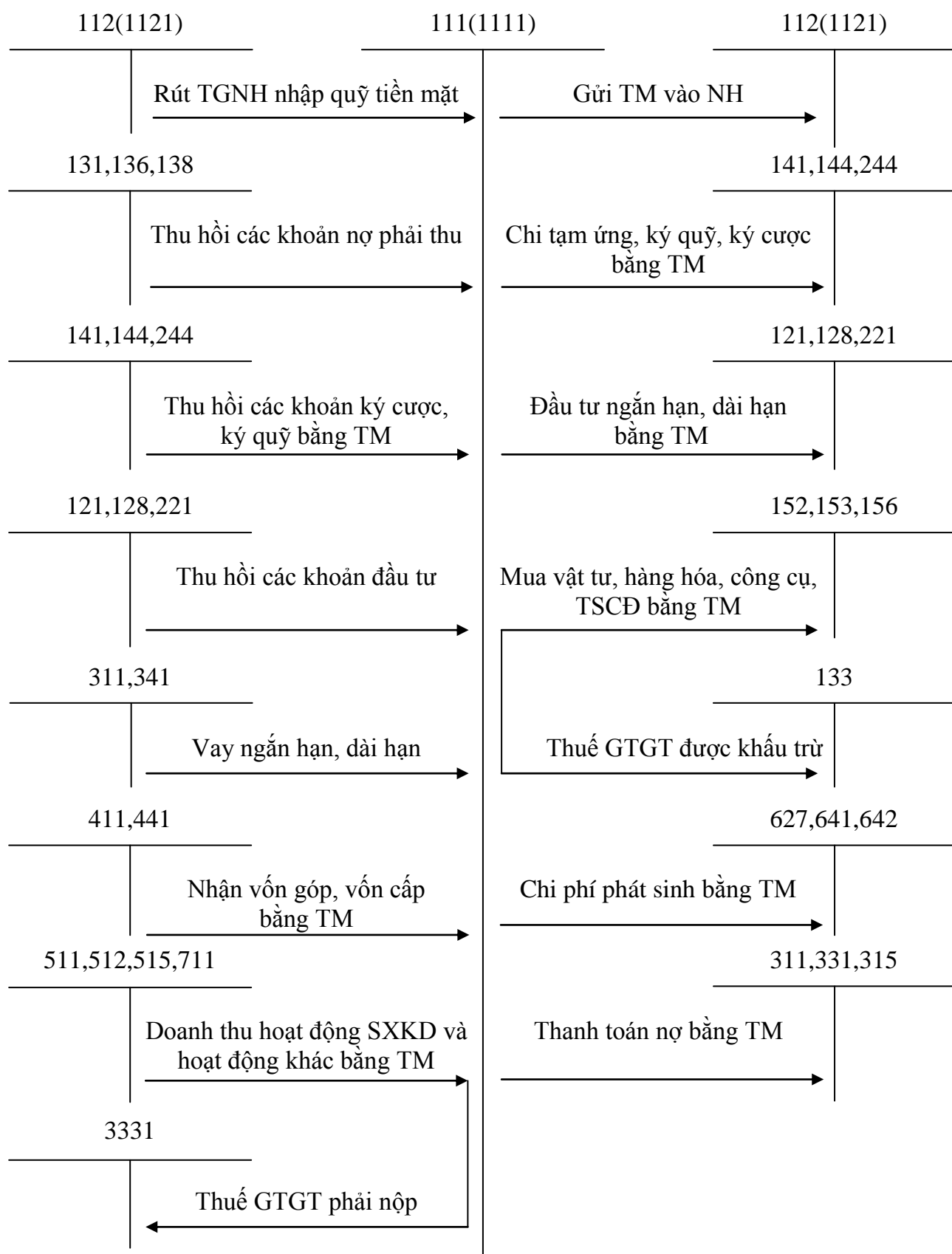
- TK 1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- TK 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

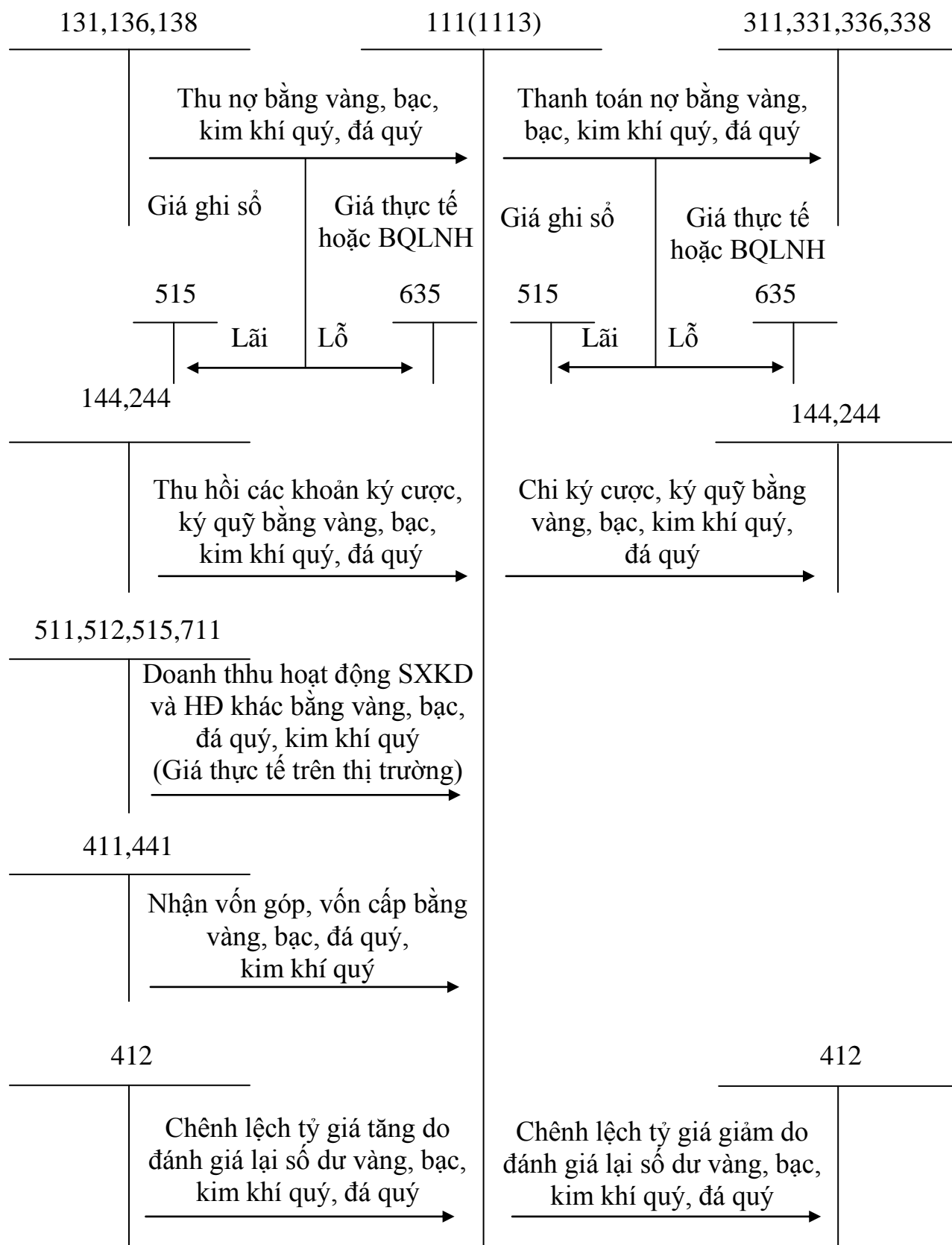
1.2.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ được phản ánh theo sơ đồ 1.1, 1.2, 1.3.

Sơ đồ 1.1 Kế toán tiền mặt (VNĐ)



Sơ đồ 1.3: Kế toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý



1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG:

1.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng:

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy Báo nợ, Báo có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân liên hoàn, Lifo, Fifo, Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn SXKD (Kể cả có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của

doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XDCB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” (Lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

1.3.2. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ
- Bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, Séc chuyển khoản...)
- Các chứng từ có liên quan.

1.3.3. Tài khoản sử dụng:

TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng”: để theo dõi số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của tiền gửi Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước hay công ty tài chính).

* Kết cấu:

- Bên Nợ:
 - + Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng.
 - + Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.
- Bên Có:
 - + Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng.
 - + Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại

tệ cuối kỳ.

- Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn gửi tại Ngân hàng.

Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng có 3 TK cấp 2:

- TK1121 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

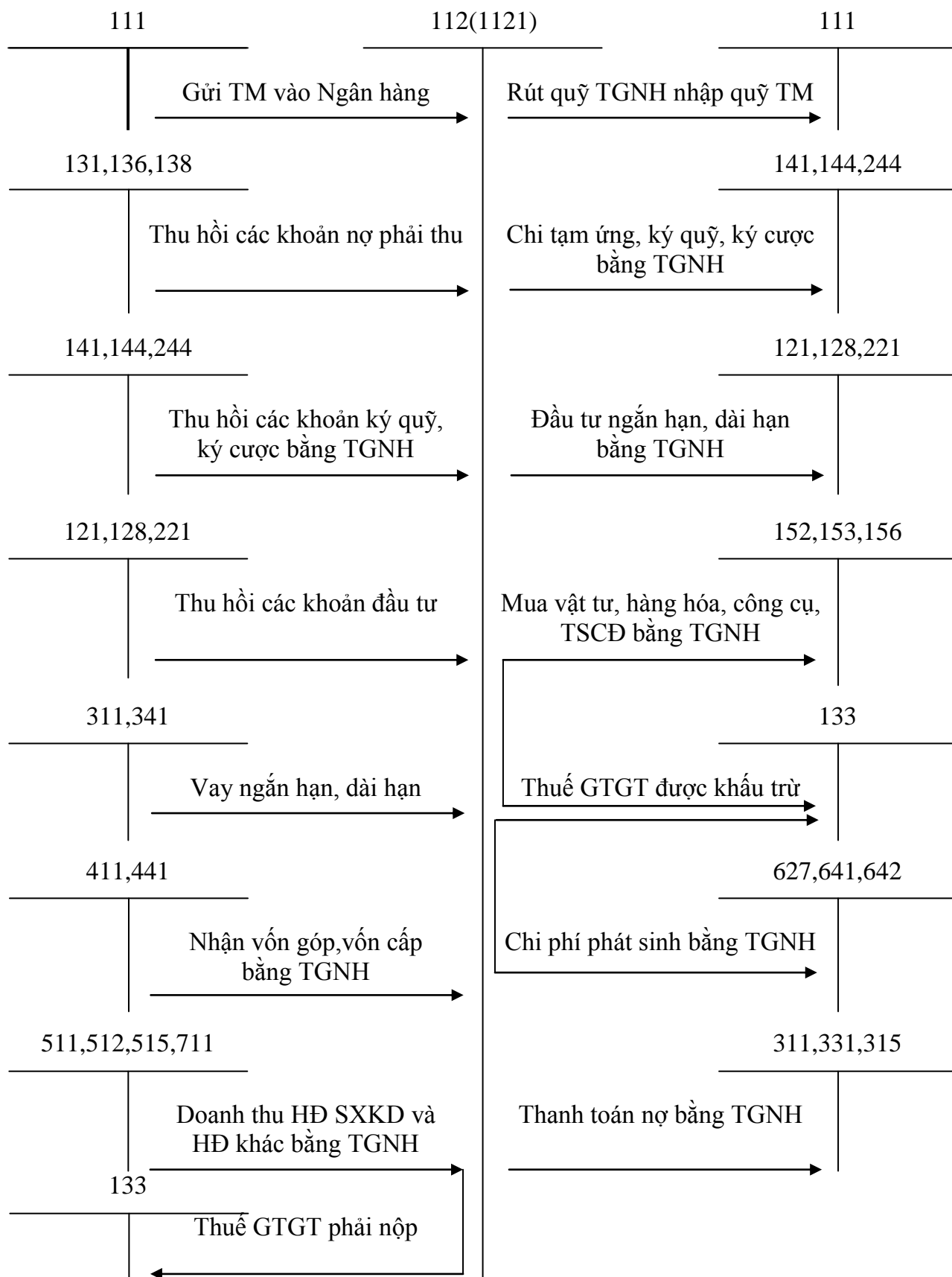
- TK 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra hiện đang gửi tại Ngân hàng.

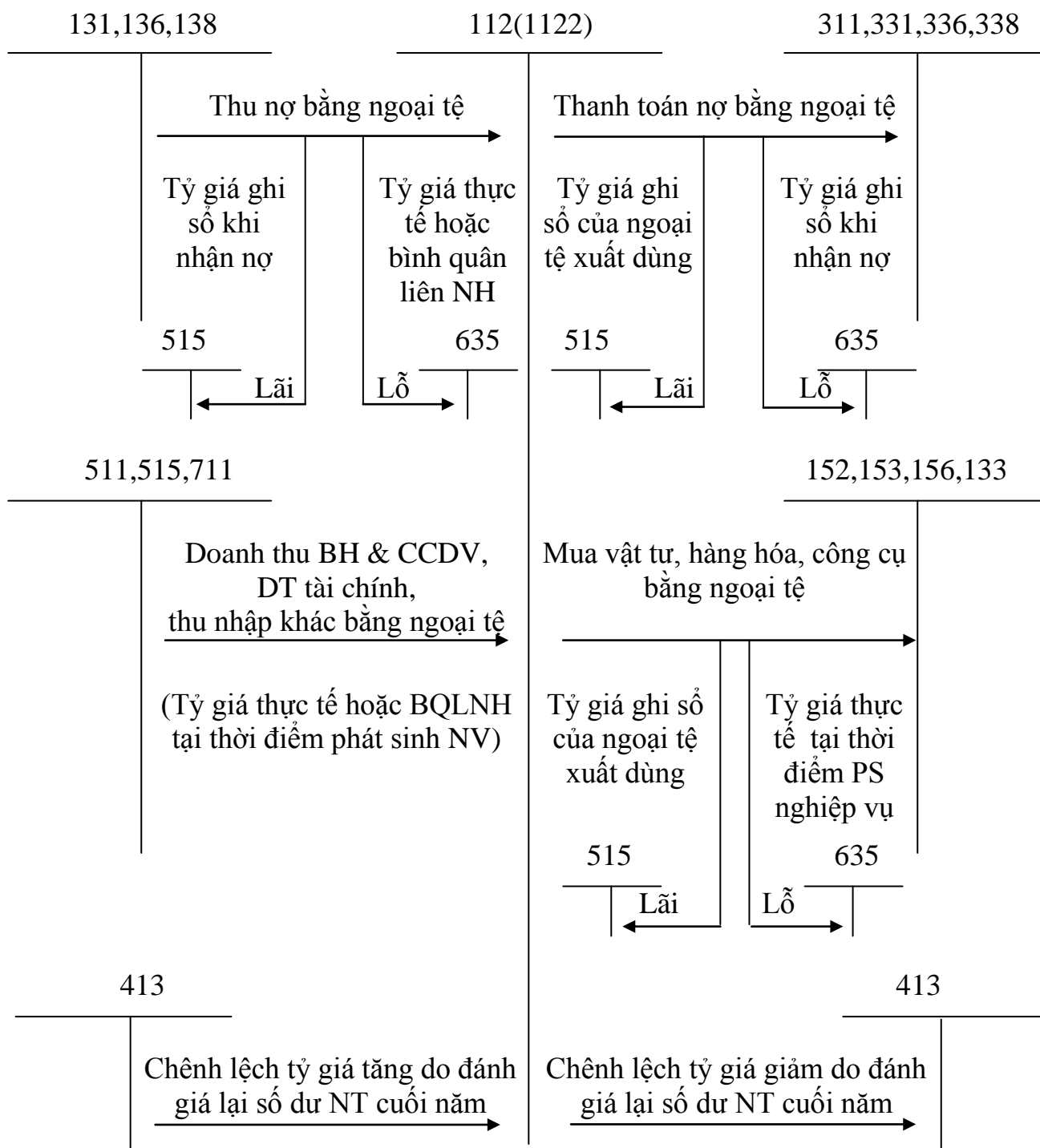
1.3.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền gửi Ngân hàng được phản ánh trên sơ đồ 1.4, 1.5, 1.6:

Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)



Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (ngoại tệ)



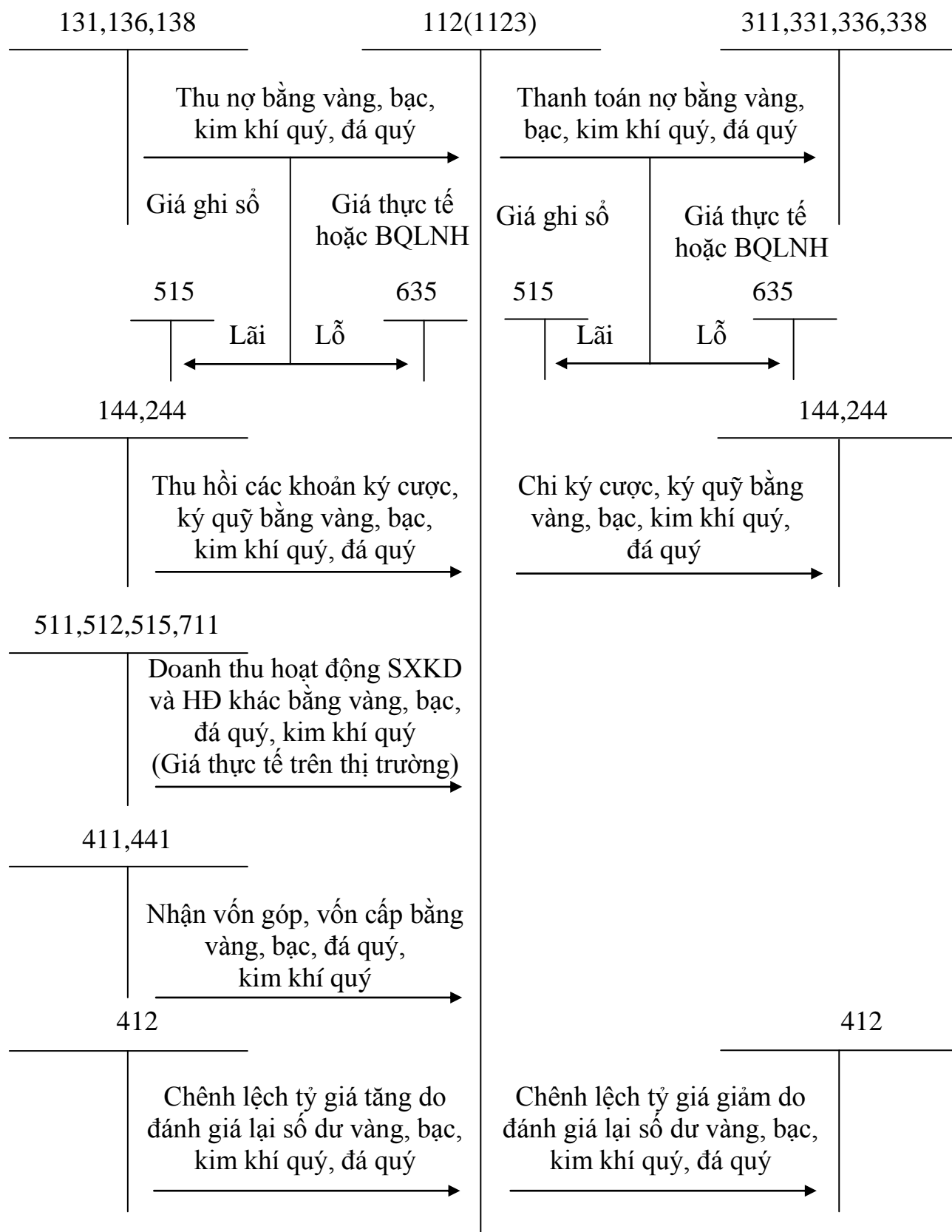
Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

007

Thu nợ bằng ngoại tệ
Doanh thu, DT tài chính, TN khác bằng NT

Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, bằng NT

Sơ đồ 1.6: Kế toán vàng, bạc, đá quý, kim khí quý



1.4. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN

1.4.1. Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp như tiền mặt, Séc đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện, các tổ chức trung gian thực hiện dịch vụ chuyển tiền để chuyển cho Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở Ngân hàng để chuyển trả các đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ, Giấy báo Có hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau đây:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để gửi trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chính chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ để nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối cùng chưa hoàn thành.

1.4.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Các chứng từ có liên quan...

1.4.3. Tài khoản sử dụng:

TK 113 “Tiền đang chuyển”: để phản ánh số tiền đang chuyển của doanh nghiệp.

* Kết cấu:

- Bên Nợ:

+ Các khoản tiền hoặc Séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo Có.

+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

- Bên Có:

+ Số kết chuyển vào TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan.

+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

- Số dư bên Nợ:

Các tài khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển có 2 TK cấp 2:

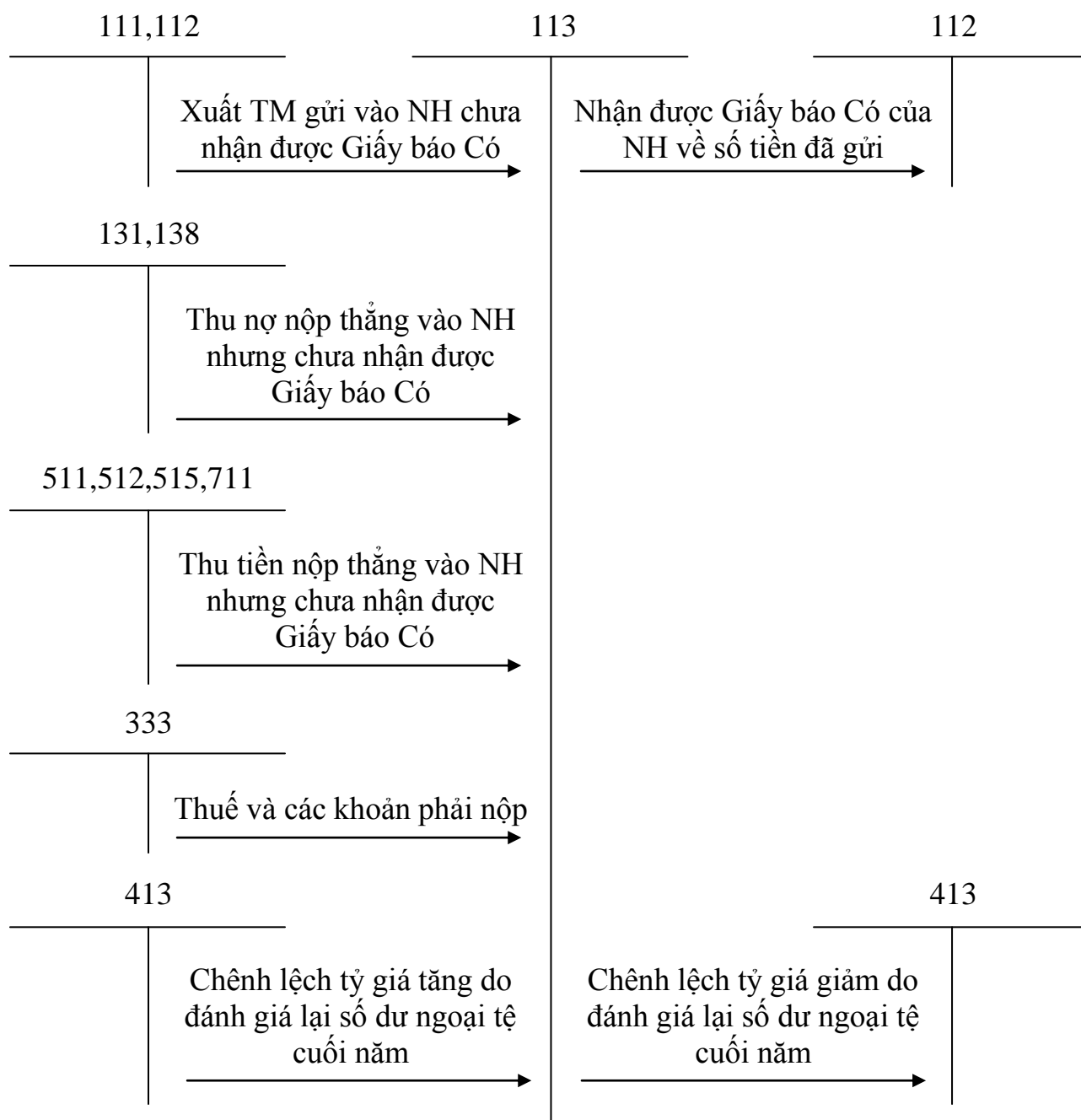
- TK 1131 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

- TK 1132 – Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.4.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển được phản ánh trên sơ đồ 1.7:

Sơ đồ 1.7: Kế toán tiền đang chuyển



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 1TV

Địa chỉ: Tổ 4 – Khu 1B – Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường Hồng Hải – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 033.3824940

Mã số thuế: 5700571275

Tài khoản: 05001010000140 – Ngân hàng TMCP Hàng Hải.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Cầu đường bộ I Quảng Ninh. Hiện nay, công ty trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh hoạt động theo luật Doanh nghiệp Nhà nước.

Tiền thân của Công ty Quản lý Cầu đường bộ I Quảng Ninh là Đoàn I Quảng Ninh. Do yêu cầu nhiệm vụ công tác đảm bảo giao thông nên tháng 02 năm 1983 Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quyết định sát nhập Đoàn I với Công ty Cầu đường 118 thành Công ty Cầu đường miền Tây.

Đáp ứng tình hình thực tế và giúp cho chuyên ngành năm 1988 Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh ra quyết định tách Công ty Cầu đường miền Tây thành Đoàn Quản lý Cầu đường bộ I và Xí nghiệp phà Quảng Ninh.

Năm 2003 do yêu cầu quản lý theo chuyên ngành và của Cục Đường bộ nên đến ngày 24 tháng 6 năm 2003 căn cứ theo quyết định số 1996/QĐ-UB ngày 24/6/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chuyển Đoàn quản lý Cầu đường bộ I từ đơn vị hành chính sự nghiệp thành Công ty quản lý Cầu đường bộ I Quảng Ninh là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích.

Năm 2010 do nền kinh tế thị trường có xu hướng cổ phần hóa nên đến ngày 17/10/2010 căn cứ theo quyết định số 3925/QĐ-UB ngày 17/10/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chuyển đổi Công ty Quản lý Cầu đường bộ I Quảng Ninh thành Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh.

Đây là Công ty có tầm quan trọng trong ngành Giao thông của tỉnh nói riêng và trong ngành Giao thông nói chung. Công ty đã được Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam trao tặng nhiều bằng khen và huân huy chương các loại. Năm 2006 Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh nâng hạng doanh nghiệp từ hạng ba lên hạng hai.

Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh quản lý các tuyến đường quốc lộ từ huyện Đông Triều đến huyện Ba Chẽ cùng với các tuyến đường Tỉnh lộ trên địa bàn. Quản lý 205 km đường Quốc lộ và 93 km đường Tỉnh lộ, trong đó có 51,4 km đường đất đá cấp phối và 246,6 km đường nhựa.

2.1.2. Chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

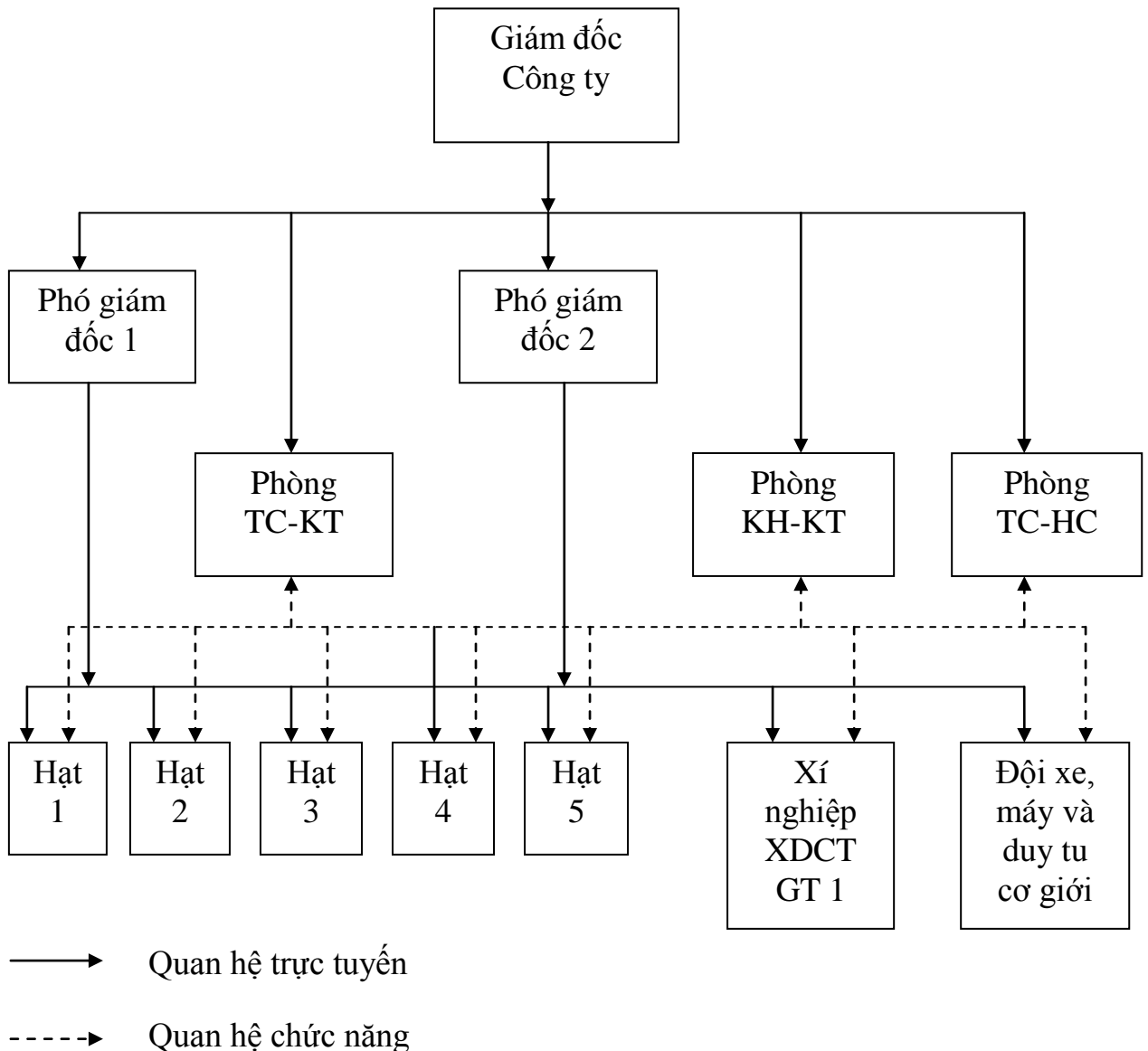
- Quản lý duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống giao thông cầu đường bộ.
- Đảm bảo giao thông, khắc phục mưa bão lũ, thiên tai địch họa gây ra.
- Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, cầu cống, tường kè, san tạo mặt bằng kho bãi.
- Xây dựng các công trình hạ tầng về xây dựng thủy lợi, cấp thoát nước.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông, cốt thép, gia công lắp đặt biển báo hiệu đường bộ.
- Khảo sát, thiết kế lập dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng giao thông, xây dựng, thủy lợi, cấp thoát nước và làm các dịch vụ khác về giao thông.

Công ty có trách nhiệm quản lý sử dụng vốn và nguồn lực được chủ sở hữu giao hàng năm để thực hiện sửa chữa các công trình cầu đường bộ, đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường bộ được giao quản lý.

Ngoài nhiệm vụ nêu trên Công ty còn tận dụng tài sản, đất đai huy động thêm vốn để tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp với khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh:

Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến – chức năng. Thể hiện qua sơ đồ 2.1.1 như sau:



Sơ đồ 2.1.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của công ty

- **Giám đốc:** Xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các chương trình lập dự án đầu tư phát triển của Công ty, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều hành sản xuất kinh doanh và các dịch vụ khác của Công ty theo kế hoạch hàng năm được Nhà nước giao theo yêu cầu của thị trường. Quan hệ giao dịch với khách hàng để ký kết hợp đồng kinh tế. Được quyền quyết định thành lập, giải thể các phòng ban quản lý nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc công ty. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật Nhà nước, có quyền đề bạt, kỷ luật, khen thưởng, nâng bậc lương, hợp đồng lao động theo luật lao động và phân cấp của Sở giao thông vận tải, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Phó giám đốc 1:** Giúp Giám đốc theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên, đảm bảo giao thông pháp chế an toàn giao thông, thường trực chỉ đạo công tác phòng chống bão lũ, phụ trách công tác nội chính văn phòng.

- **Phó giám đốc 2:** Giúp Giám đốc theo dõi đôn đốc, chỉ đạo công tác sửa chữa lớn cầu đường bộ, thực hiện các dự án xây dựng cơ bản.

- **Phòng tài chính kế toán:** Với nhiệm vụ quản lý ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác kịp thời và đầy đủ số lượng và chất lượng tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh xảy ra hàng ngày, đảm bảo cân đối tài chính, tổ chức tốt thu hồi công nợ, lập báo cáo quý, năm kịp thời chính xác, tổ chức kiểm kê theo thời gian 6 tháng, 1 năm để xác định lượng vật tư xuất tồn một cách chính xác kịp thời để đánh giá công tác quản lý, tổ chức quản lý tốt tiền gửi, tiền vay Ngân hàng và quỹ tiền mặt công ty, đảm bảo tài chính để cung cấp vật tư, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất cũng như thanh toán lương cho người lao động, lập các kế hoạch vốn ngắn hạn, trung hạn để đảm bảo tài chính hoạt động, thực hiện chế độ kế toán đúng quy định hiện hành như chế độ báo cáo, tờ khai thuế đúng quy định, định kỳ tổ chức hoạt động kinh tế của công ty giám sát theo dõi nhập, xuất tài sản, vật tư nguyên liệu, luôn đảm bảo đủ vốn hoạt động.

- **Phòng kế hoạch kỹ thuật:** Với nhiệm vụ khảo sát, thiết kế, lập kế hoạch hàng tháng cùng với các hạt, các đội thực hiện tốt kế hoạch đã xây dựng tháng,

quý, năm, đầu tư tiến bộ khoa học kỹ thuật, nghiên cứu cải tiến thiết bị tạo điều kiện giảm nhẹ sức lao động, tăng năng suất, ký các hợp đồng kinh tế với các bạn hàng, đôn đốc giám sát việc tổ chức thi công các công trình, thanh toán khối lượng nội bộ cho các hạt đường theo cơ chế khoán, phối hợp cùng phòng kế toán – tài chính trong nhập xuất sản phẩm, thanh lý các hợp đồng kinh tế, đối chiếu kịp thời để thanh toán thu hồi công nợ, phối hợp với phòng tổ chức làm tốt công tác huấn luyện đào tạo thi nâng cấp, nâng bậc cho công nhân, quản lý tốt công tác kỹ thuật quy trình công nghệ, bản vẽ kỹ thuật công tác chất lượng sản phẩm, xây dựng nội quy sử dụng thiết bị, sửa chữa duy tu bảo dưỡng định kỳ công tác cho các loại máy móc thiết bị trong công ty và xây dựng các chỉ tiêu khoán cho các công trình.

- **Phòng tổ chức hành chính:** Có nhiệm vụ tổ chức hoạt động sản xuất, quản lý lao động tiền lương trong toàn công ty. Ngoài ra còn phụ trách các khâu hành chính phục vụ cho công tác quản lý của văn phòng công ty, bố trí sắp xếp lao động trong tổ chức sản xuất, tổ chức ký kết hợp đồng với người lao động theo đúng quy định.

- **Hạt 1,2,3,4,5:** Có nhiệm vụ quản lý và thường xuyên kiểm tra sửa chữa các tuyến đường được giao quản lý.

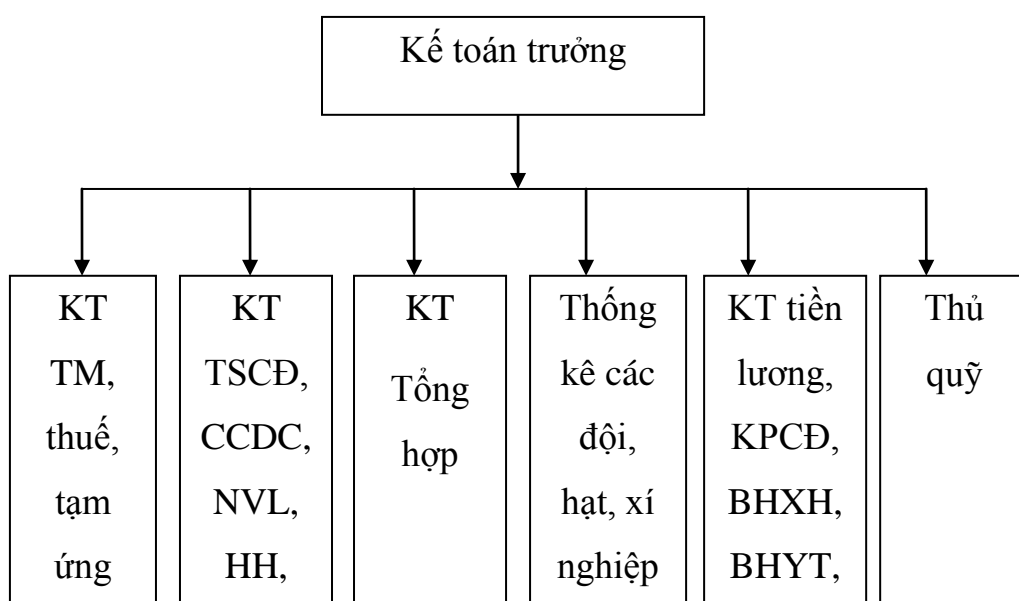
- **Đội xe, máy, và duy tu cơ giới:** Làm công tác sửa chữa có khối lượng nhỏ trên tuyến do công ty quản lý, sửa chữa các thiết bị xe, máy, điều hành phương tiện thực hiện thi công các công trình, quản lý khai thác trạm trộn bê tông nhựa.

- **Xí nghiệp xây dựng công trình giao thông 1:** Làm công tác sửa chữa tập trung định kỳ các khu vực miền Tây do công ty quản lý và thi công các công trình ngoài.

**2.1.4. Tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH. 1 TV Quản lý và X.D
Giao thông Quảng Ninh:**

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, phòng tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty, các hạt sản xuất thành viên chỉ bố trí các kế toán viên làm nhiệm vụ ghi chép ban đầu, thu thập số liệu giản đơn gửi về phòng tài chính kế toán Công ty.



Sơ đồ 2.1.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

• **Kế toán trưởng:** có nhiệm vụ tổ chức thực hiện, điều hành công tác hạch toán kế toán trong công ty

• **KT tiền mặt, thuế, tạm ứng:** tổ chức ghi chép các nghiệp vụ thu chi tiền mặt, kê khai thuế đầu ra, đầu vào, theo dõi và thanh toán tạm ứng.

• **KT TSCĐ, CCDC, NVL, hàng hóa, kho:** ghi chép phản ánh chính xác số lượng giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng của TSCĐ, trích và phân bổ khấu hao theo tỷ lệ quy định. Nhập, xuất NVL, CCDC, HH theo nhu cầu kinh doanh của công ty. Quản lý kho NVL,CCDC của công ty.

• **KT tổng hợp(Phó phòng KT):** Là người thay mặt kế toán trưởng điều hành công việc khi kế toán trưởng đi vắng, làm công tác tổng hợp với nhiệm vụ thu thập

chứng từ của các phần hành kế toán và kiểm tra tính chất đầy đủ, chính xác, hợp lý, hợp lệ. Vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, vào các sổ cái tài khoản, lên cân đối số phát sinh.

• **Thống kê các đội, hạt, xí nghiệp:** có nhiệm vụ ghi chép hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chi phí trong đơn vị để từ đó lập báo cáo gửi về phòng kế toán, tập hợp đầy đủ chứng từ gốc và phân tích giải trình khi thanh lý hợp đồng.

• **KT tiền lương, KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN:** tính lương, lập bảng thanh toán lương, phân bổ các khoản chi phí tiền lương, KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN vào chi phí sản xuất theo từng đối tượng giúp kế toán tổng hợp, kết hợp với phòng tổ chức thanh toán ốm đau, thai sản cho người lao động, thu nộp BHXH, thanh quyết toán BHXH cho đơn vị và hỗ trợ thất nghiệp cho người lao động.

• **Thủ quỹ:** nhập tiền vào quỹ và xuất quỹ theo các chứng từ thu, chi, xác định số tồn quỹ, tình hình thu chi tiền mặt.

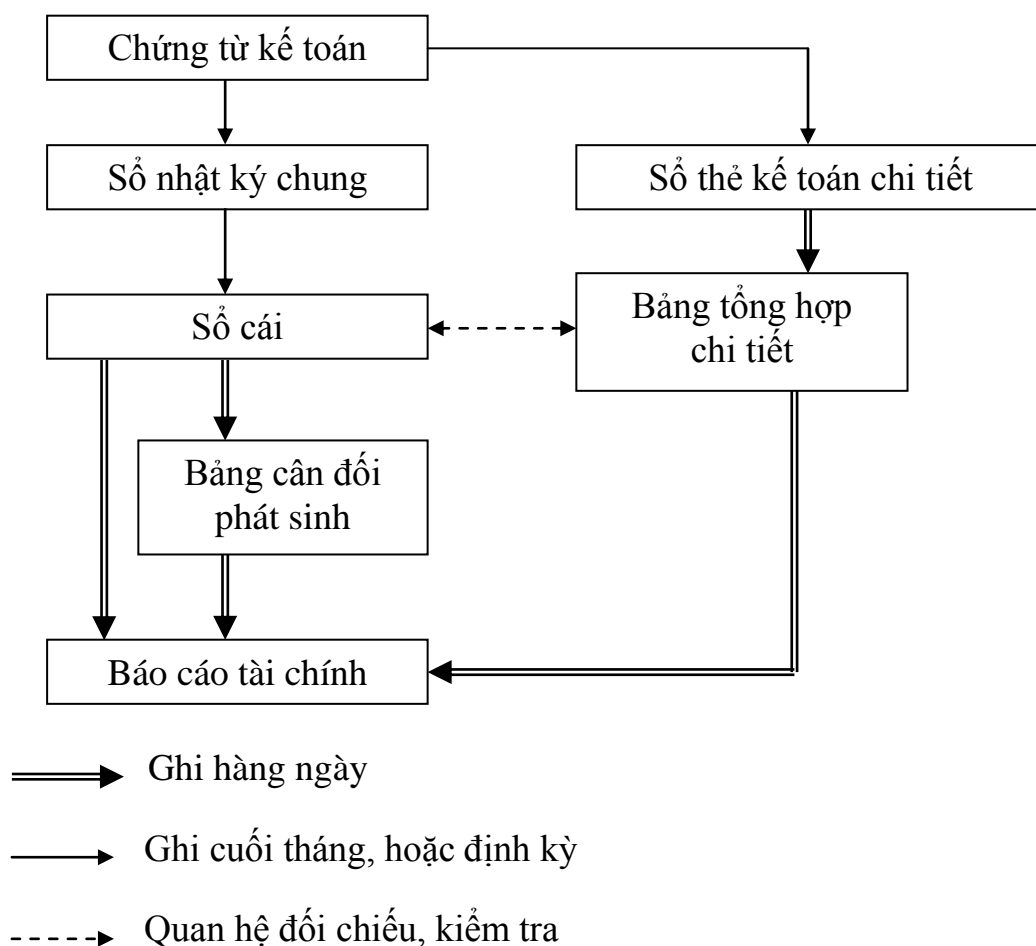
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tài khoản kế toán:

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty vận dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG**



Sơ đồ 2.1.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:

Hệ thống báo cáo tài chính theo quy định hiện hành bao gồm 04 loại:

- Bảng Cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH:

2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

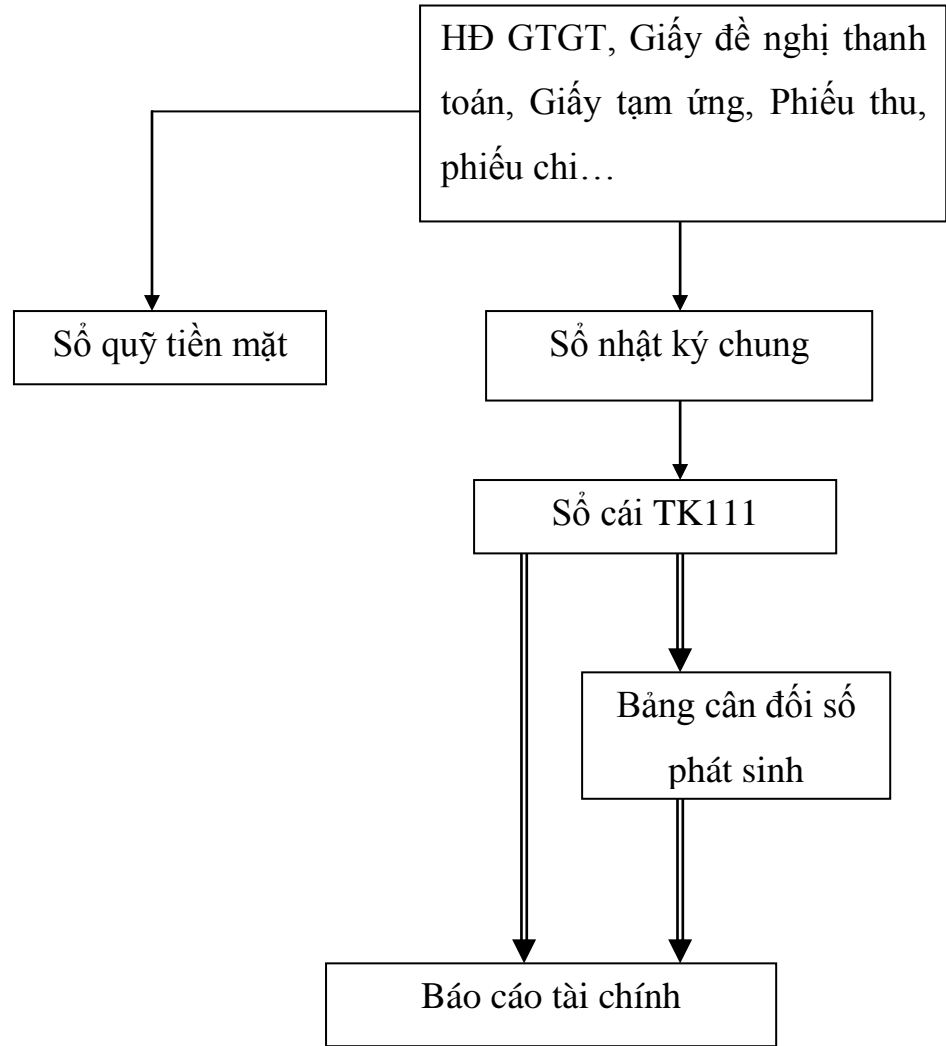
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 111 - Tiền mặt.

2.2.1.3. Quy trình hạch toán vốn bằng tiền mặt:

Quy trình hạch toán vốn bằng tiền mặt tại quỹ Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.2.1:



Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Sơ đồ 2.2.1: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền mặt

*** Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 25/06/2011 Công ty TNHH Nam Trung thanh toán tiền thuê máy lu đầm bàn 2.200.000 đ bằng tiền mặt.

- Từ HĐ GTGT (**Biểu 2.1**), kế toán viết phiếu Thu (**Biểu 2.2**)
- Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.7**), sau đó vào Sổ Cái TK 111 (**Biểu 2.8**) và Sổ cái TK 511, TK 3331.
- Đồng thời Thủ quỹ mở Sổ Quỹ tiền mặt ghi nghiệp vụ phát sinh (**Biểu 2.9**)

Ví dụ 2: Ngày 09/06/2011 thanh toán chi phí sửa xe cho ông Nguyễn Đình Phùng lái xe VP số tiền: 2.684.000 đ.

- Từ giấy đề nghị thanh toán (**Biểu 2.3**), Báo giá (**Biểu 2.4**), HĐ GTGT (**Biểu 2.5**), kế toán viết phiếu Chi (**Biểu 2.6**).
- Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.10**), sau đó vào Sổ Cái TK 642, TK 133 và Sổ cái TK 111 (**Biểu 2.11**).
- Đồng thời Thủ quỹ mở Sổ Quỹ tiền mặt ghi nghiệp vụ phát sinh (**Biểu 2.12**).

Ví dụ 3: Ngày 28/06/2011 thanh toán tiền mua máy Photocopy Toshiba E-Studio 282 cho bà Mai Thanh Huyền số tiền 11.957.000 đ

- Từ giấy đề nghị thanh toán (**Biểu 2.7**) và Hóa đơn GTGT (**Biểu 2.8**) kế toán viết phiếu chi (**Biểu 2.9**).
- Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.10**), sau đó vào Sổ Cái TK211, TK 133 và Sổ cái TK 111 (**Biểu 2.11**).
- Đồng thời Thủ quỹ mở Sổ Quỹ tiền mặt ghi nghiệp vụ phát sinh (**Biểu 2.12**).

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: GT/11P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000197			
Ngày... <u>25</u> ...tháng... <u>6</u> ...năm 20... <u>11</u> ...					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ITV QUẢN LÝ & XÂY DỰNG GIAO THÔNG QUẢNG NINH					
Mã số thuế: 5700471275					
Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 1B - Đường Nguyễn Văn Cừ - P. Hồng Hải - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 033.3824940		Fax: 033.3620153			
Họ và tên người mua hàng: <u>Công ty TNHH-1 Nam Cường</u>					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: <u>Tổ 3 Cẩm Thạch - Cẩm Thạch - Quảng Ninh</u>					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: <u>TM</u>		MST: <u>57 40722000</u> <input type="text"/> <input type="text"/>			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<u>Thuê lu âm bản</u>	3	4	5	6=4x5 <u>2.000.000</u>
Cộng tiền hàng:					<u>2.000.000</u>
Thuế suất GTGT: <u>10</u> %					Tiền thuế GTGT: <u>200.000</u>
Tổng cộng tiền thanh toán					<u>2.200.000</u>
Số tiền viết bằng chữ: <u>Hai triệu hai trăm ngàn đồng</u>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT.

<p>Công ty TNHH 1TV Quản lý&XD Giao thông Quảng Ninh P.Hồng Hải - TP. Hạ Long - QN</p>	<p>Số: 121</p>	<p>Mẫu số 01-TT (QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính)</p>		
<p>PHIẾU THU <i>Ngày 25 tháng 06 năm 2011</i></p>				
<p>Họ tên người nộp tiền: Địa chỉ: Lý do nộp: Số tiền: <i>(Số tiền bằng chữ:</i> Kèm theo chứng từ gốc:</p>	<p>Công ty TNHH Nam Trung Tổ 3 - Cẩm Thạch - Cẩm phả - Quảng Ninh Nộp tiền thuê máy lu đầm bàn 2.200.000 <i>Hai triệu hai trăm ngàn đồng.)</i> 01</p>			
		<p><i>Ngày 25 tháng 06 năm 2011</i></p>		
<p>Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, họ tên)</i></p>	<p>Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i></p>	<p>Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i></p>	<p>Người nộp <i>(Ký, họ tên)</i></p>	<p>Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i></p>

Biểu 2.2: Phiếu Thu.

**Công ty TNHH. 1TV Quản lý
và X.D Giao thông Quảng Ninh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc**

Đơn vị:.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 09 tháng 06 năm 2011

Kính gửi: **Tổng Giám đốc Cty TNHH. 1TV Quản lý và
X.D giao thông Quảng Ninh**

Tên tôi là: Nguyễn Đình Phùng

Địa chỉ: Phòng Hành chính

Đề nghị được thanh toán số tiền: 2.684.000 đ

(Bằng chữ: hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Nội dung thanh toán:

1. Thay còi : 1 bộ
2. Dán kính chắn nắng cửa sau : 2 cái
3. Thay chắn nắng kính hậu : 1 cái
4. Sửa hệ thống DVD : 1 cái

Có kèm Báo giá.

- Số tạm ứng: 0
- Số còn phải chi: 2.684.000 đ.

Duyệt thanh toán: 2.684.000 đ

Người đề nghị	Phụ trách bộ phận	KT thanh toán	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.3: Giấy đề nghị thanh toán.

HÓA ĐƠN GTGT		Mẫu số: 01GTKT3/001												
Liên 2: giao khách hàng Ngày 09 tháng 06 năm 2011		Ký hiệu số: 57A/11P Số: 0000650												
Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp sửa chữa ô tô Tiên Đạt Mã số thuế: 5700445275 Địa chỉ: Tổ 2 – khu 4 – P. Giếng Đáy – Tp. Hạ Long – QN Số tài khoản:..... Điện thoại:.....														
Họ tên người mua hàng: Anh Phùng Tên đơn vị: Công ty TNHH 1TV Quản lý & XD Giao thông Quảng Ninh Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 1 - Phường Hồng Hải - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh Số tài khoản:.....														
Hình thức thanh toán: TM														
MST:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>	5	7	0	0	4	7	1	2	7	5			
5	7	0	0	4	7	1	2	7	5					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền									
1	2	3	4	5	6									
1	Thay còi	Bộ	01	750.000	750.000									
2	Thay chắn nắng kính hậu	Cái	01	550.000	550.000									
3	Gián kính cửa sau	Cái	02	840.000	840.000									
4	Sửa hệ thống DVD	Cái	01	300.000	300.000									
	/													
Cộng tiền hàng:					2.440.000									
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 244.000									
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.684.000									
Số tiền bằng chữ: (Hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng).														
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ, tên)										
(Cần đối chiếu, kiểm tra khi lập, giao nhận hóa đơn).														

Biểu 2.5: Hóa đơn GTGT.

Công ty TNHH. 1TV Quản lý&X.D
Giao thông Quảng Ninh
P.Hồng Hải - TP. Hạ Long - QN

Số:168

Mẫu số 02-TT
(QĐsố:15/2006/QĐ-BTC)
Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 06 năm 2011

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Đình Phùng
Địa chỉ: Lái xe 14C 2177
Lý do chi: Thanh toán chi phí sửa xe
Số tiền: 2.684.000
(Số tiền bằng chữ: Hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng.)
Kèm theo chứng từ gốc: 03

Ngày 09 tháng 06 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký,họ tên)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>	<i>(Ký,họ tên)</i>

Biểu 2.6: Phiếu chi.

**Công ty TNHH 1TV Quản lý và
XD Giao thông Quảng Ninh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc**

Đơn vị:.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 28 tháng 06 năm 2011

Kính gửi: **Tổng Giám đốc Cty TNHH 1TV Quản lý và
XD giao thông Quảng Ninh**

Tên tôi là: Mai Thanh Huyền

Địa chỉ: Phòng Hành chính

Đề nghị được thanh toán số tiền: 11.957.000 đ

(Bằng chữ: Mười một triệu chín trăm năm bảy nghìn đồng).

Nội dung thanh toán:

Mua máy photocopy Toshiba E-studio 282

Có kèm Hóa đơn GTGT

- Số tạm ứng: 0
- Số còn phải chi: 11.957.000 đ.

Duyệt thanh toán: 11.957.000 đ

Người đề nghị	Phụ trách bộ phận	KT thanh toán	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.7: Giấy đề nghị thanh toán

<p>HÓA ĐƠN GTGT Liên 2: giao khách hàng Ngày 28 tháng 06 năm 2011</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu số: PA/10P Số: 0000697</p>																																																																
<p>Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Phúc Anh Mã số thuế: 5701368954 Địa chỉ: Tổ 84 – khu 5 – P. Bạch Đằng – Tp. Hạ Long – QN Số tài khoản:..... Điện thoại: 0333.820516</p>																																																																	
<p>Họ tên người mua hàng: Chị Mai Thanh Huyền Tên đơn vị: Công ty TNHH. 1TV Quản lý & X.D Giao thông Quảng Ninh Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 1 - Phường Hồng Hải - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh Số tài khoản:.....</p>																																																																	
Hình thức thanh toán: TM MST:	<table border="1" style="margin: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	5	7	0	0	4	7	1	2	7	5																																																						
5	7	0	0	4	7	1	2	7	5																																																								
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 35%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">ĐVT</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 20%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6=4x5</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Máy Photocopy Toshiba</td> <td>Cái</td> <td>01</td> <td>10.870.000</td> <td>10.870.000</td> </tr> <tr> <td></td> <td>E-studio 282</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td style="border-bottom: 1px solid black;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right; padding-right: 20px;">Cộng tiền hàng:</td> <td>10.870.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right; padding-right: 20px;">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td>Tiền thuế GTGT: 1.087.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right; padding-right: 20px;"></td> <td>Tổng cộng tiền thanh toán: 11.957.000</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="padding: 5px 0 0 0;">Số tiền bằng chữ: (Mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	2	3	4	5	6=4x5	1	Máy Photocopy Toshiba	Cái	01	10.870.000	10.870.000		E-studio 282																	Cộng tiền hàng:					10.870.000	Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.087.000						Tổng cộng tiền thanh toán: 11.957.000	Số tiền bằng chữ: (Mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																												
1	2	3	4	5	6=4x5																																																												
1	Máy Photocopy Toshiba	Cái	01	10.870.000	10.870.000																																																												
	E-studio 282																																																																
Cộng tiền hàng:					10.870.000																																																												
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.087.000																																																												
					Tổng cộng tiền thanh toán: 11.957.000																																																												
Số tiền bằng chữ: (Mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).																																																																	
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)</p>		<p>Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ, tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ, tên)</p>																																																													
<p>(Cần đối chiếu, kiểm tra khi lập, giao nhận hóa đơn).</p>																																																																	

Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT.

Công ty TNHH. 1TV Quản lý&X.D Giao thông Quảng Ninh P.Hồng Hải - TP. Hạ Long - QN		Mẫu số 02-TT (QĐsố:15/2006/QĐ-BTC)		
Số:175		Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính)		
PHIẾU CHI Ngày 28 tháng 06 năm 2011				
Họ tên người nhận tiền:	Mai Thanh Huyền			
Địa chỉ:	Phòng hành chính			
Lý do chi:	Thanh toán tiền mua máy Photocopy			
Số tiền:	11.957.000			
(Số tiền bằng chữ:	Mười một triệu chín trăm năm bảy nghìn đồng)			
Kèm theo chứng từ gốc:	02			
Ngày 28 tháng 06 năm 2011				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.9: Phiếu chi.

Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D
 Giao thông Quảng Ninh
 Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ - TP Hạ Long - QN

Mẫu số: S03a – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2011

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
1/6/2011	UNC 0106	1/6/2011	CK nộp kinh phí công đoàn và đoàn phí Phí CK	338 642 133 112	85,000,000 10,000 1,000	85,011,000
			...			
9/6/2011	PC 168	9/6/2011	Thanh toán chi phí sửa chữa xe	642 133 111	2,440,000 244,000	2,684,000
			...			
22/06/2011	GBC 2206	22/06/2011	Công ty xi măng Cẩm Phả trả tiền son vạch phân cách	112 131	25,051,500	25,051,500
			...			
25/06/2011	PT121	25/06/2011	Công ty Nam Trung thanh toán tiền thuê lu đầm bàn	111 511 3331	2,200,000	2,000,000 200,000
			...			
28/06/2011	PC 175	28/06/2011	Thanh toán tiền mua máy Photocopy Toshiba	211 133 111	10.870.000 1.087.000	11.957.000
			...			
30/06/2011	GBC 3006	30/06/2011	Nhập lãi TGNH tại NH TMCP Hàng Hải	112 515	2,067,852	2,067,852
Tổng phát sinh					23,227,492,601	23,227,492,601

Biểu 2.10: Nhật ký chung

Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D
Giao thông Quảng Ninh
 Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ - TP Hạ Long - QN

Mẫu số: S03b – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tài khoản 111: Tiền mặt
Năm 2011

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		279,418,085	
			...			
9/6/2011	PC 168	9/6/2011	Thanh toán chi phí sửa xe	642 133		2,440,000 244,000
			...			
14/06/2011	PT 111	14/06/2011	Rút tiền tại NH TMCP Hàng Hải nhập quỹ	112	50,000,000	
			...			
25/06/2011	PT 121	25/06/2011	Công ty Nam Trung thanh toán tiền thuê lu đảm bàn	511 3331	2,000,000 200,000	
			...			
28/06/2011	PC 175	28/06/2011	Thanh toán tiền mua máy Photocopy Toshiba	211 133		10.870.000 1.087.000
			...			
Tổng phát sinh					2,430,440,000	2,422,429,946
Số dư cuối kỳ					287,428,139	

Biểu 2.11: Sổ cái

Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D
Giao thông Quảng Ninh
 Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ - TP Hạ Long - QN

Mẫu số: S07a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Năm 2011

Ngày GS	Ngày CT	Số CT		Diễn giải	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi		
				Số tồn đầu kỳ			279,418,085	
				Số phát sinh trong kỳ				
				...				
9/6/2011	9/6/2011		PC 168	Thanh toán chi phí sửa xe		2,684,000	213,209,485	
				...				
14/06/2011	14/06/2011	PT 111		Rút TGNH TM Hàng Hải nhập quỹ	50,000,000		247,312,560	
				...				
25/06/2011	25/06/2011	PT 121		Công ty Nam Trung thanh toán tiền thuê lu đàm bàn	2,200,000		305,637,543	
				...				
28/06/2011	28/06/2011		PC 175	Thanh toán tiền mua máy Photocopy		11,957,000	299,028,135	
				...				
Cộng số phát sinh					2,430,440,000	2,422,429,946		
Số tồn cuối kỳ							287,428,139	

Biểu 2.12: Sổ quỹ tiền mặt

2.2.2. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng:

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ
- Bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm Thu, Ủy nhiệm Chi, ...)
- Các chứng từ khác liên quan.

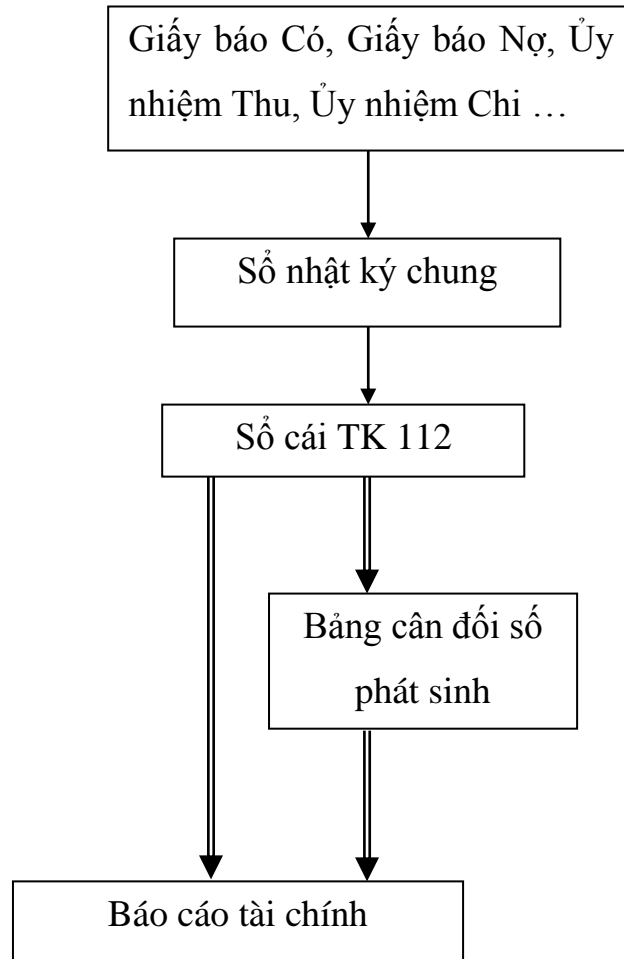
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng.

Ngân hàng giao dịch của Công ty: Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.

2.2.2.3. Quy trình hạch toán tiền gửi Ngân hàng:

Quy trình hạch toán tiền gửi Ngân hàng được thể hiện qua sơ đồ 2.2.2:



Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Sơ đồ 2.2.2: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền gửi Ngân hàng.

*** Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 22/06/2011 Cty CP xi măng Cẩm Phả trả tiền sơn vạch phân cách vào TK của Cty tại NH TMCP Hàng Hải số tiền: 25.051.500 đ.

- Nhận được Giấy báo Có (**Biểu 2.13**) và Bảng kê hoạt động tài khoản (**Biểu 2.14**) của Ngân hàng. Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.20**)
- Từ Nhật ký chung vào Sổ Cái TK 112 (**Biểu 2.21**) và Sổ Cái TK 131.

Ví dụ 2: Ngày Nhập lãi TKTG tại NH TMCP Hàng Hải Việt Nam vào TK của Cty số tiền: 2.067.852 đ.

- Nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng Hàng Hải (**Biểu 2.15**). Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.20**)
- Từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 112 (**Biểu 2.21**) và Sổ cái TK 515.


Ví dụ 3: Ngày 01/06/2011 Nộp tiền KPCĐ và đoàn phí cho LĐ LĐ tỉnh Quảng Ninh số tiền: 85.000.000 đ bằng chuyển khoản, phí chuyển khoản: 11.000 đ.

- Căn cứ vào Ủy nhiệm chi (**Biểu 2.16**) và hóa đơn GTGT phí chuyển tiền (**Biểu 2.17**) của Ngân hàng. Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.20**)
- Kế toán mở sổ cái TK 338, TK 642, TK 133 và Sổ cái TK 112 (**Biểu 2.21**)

Ví dụ 4: Ngày 10/06/2011 Chuyển trả tiền vật liệu xây dựng cho XN XD 1 số tiền 52.000.000đ, phí chuyển khoản 11.000 đ.

- Căn cứ vào Ủy nhiệm chi (**Biểu 2.18**) và hóa đơn GTGT phí chuyển tiền (**Biểu 2.19**) của Ngân hàng. Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.20**)
- Kế toán mở sổ cái TK 331, TK 642, TK 133 và Sổ cái TK 112 (**Biểu 2.21**).

Mẫu số 07/MSB/2006 (140x190mm) được kiểm hóa đơn CTGT

		GIẤY BÁO CÓ <i>ADVICE OF CREDIT</i>		Liên 2: Giao khách hàng <i>For Customer</i>						
Đơn vị/Branch: CN Quang Ninh MST/Tax code: 0200124891-003-1				Số/Seq No: DD052007/71.00 Ngày/Date: 22/06/2011						
SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px;">050</td> <td style="padding: 2px;">01</td> <td style="padding: 2px;">01</td> <td style="padding: 2px;">000014</td> <td style="padding: 2px;">0</td> </tr> </table>		050	01	01	000014	0			KÝ HIỆU CHỨNG TỬ	
050	01	01	000014	0						
TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CTY TNHH MTV QL VA XAY DUNG GT QNINH										
Kính gửi/To: CTY TNHH MTV QL VA XAY DUNG GT QNINH Mã số thuế: 5700471275 Người gửi:		Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng được Ghi có như sau: Please note that we have today CREDIT your account with the following entries:								
DIỄN GIẢI/PARTICULARS		SỐ TIỀN/AMOUNT (VNĐ)		SỐ TIỀN QUY ĐỔI/EQUIVALENT						
CTY CP XA MANG CAM PHA TRA TIEN SON VACH DAI PHAN CANH CHO CTY TNHH MTV QUAN LY VA XDGT QN										
Số tiền GHI CÓ/CREDIT amount		25,051,500.00		25,051,500.00						
Phí dịch vụ/Service charge:										
Thuế GTGT/VAT:										
Tổng Số tiền GHI CÓ/Total CREDIT amount		25,051,500.00		25,051,500.00						
NV thực hiện giao dịch/Teller: DD052007		CB kiểm soát giao dịch/Supervisor: MG052004								
_____ Người lập/Prepared by		_____ Kiểm soát/Verified by		_____ Giám đốc/Approved by						

Biểu 2.13: Giấy báo Có



Chi nhánh MSB Quang Ninh

BẢN KÊ HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN

Khách hàng : 3262 - CTY TNHH MTV QL VA XAY DUNG GT QNINH

Ngày giao dịch: 22/06/2011

Tài khoản : 050-01-01-000014-0 D VND

Ngày HĐ trước: 17/06/11

Số dư đầu ngày:

977,981,607.00

Số chứng từ	Số SEC	Ghi chú	Doanh số Nợ	Doanh số Có
ZDD052007 127000071	0	CTY CP XA MANG CAM PHA TRA TIEN SON VACH DAI PHAN CANH CHO CTY TNHH 1TV QUAN LY VA XDGT QN	0.00	25,051,500.00

Doanh số ngày :

0.00

25,051,500.00

Doanh số tháng:

950,282,150.00

27,266,568.00

Doanh số năm :

16,055,916,428.00

14,297,874,849.00

Số dư cuối ngày:

1,003,033,107.00

Lập biểu

Kiểm soát

Biểu 2.14: Bảng kê hoạt động tài khoản.



Chi nhánh MSB Quang Ninh

GIẤY BÁO CÓ
ADVISE OF CREDIT

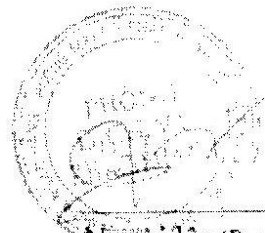
Số (Seq No.):
Ngày (Date): 30/06/2011

Số tài khoản (Account No.): 050-01-01-000014-0 D VND Mã khách hàng (Cust. ID): 3262
Tên tài khoản (Account name): CTY TNHH MTV QL VA XAY DUNG GT QNINH

Kính gửi (To): CTY TNHH MTV QL VA XAY DUNG GT QNINH

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có số tiền như sau:
Please note that we have today CREDITED your account with the following entries.

Diễn giải (Particulars)	Số tiền (Amount)
Trả lãi hàng tháng tiền gửi không kì hạn	2,067,852.00



Người lập (Prepared by)

Kiểm soát (Verified by)

Giám đốc (Approved by)

Biểu 2.15: Giấy báo Có.



HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

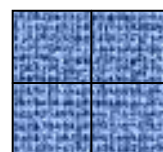
Liên 2: giao khách hàng

Ngày 1 tháng 6 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: BR/11T

Số: 0004675



Đơn vị bán hàng: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam-Chi nhánh QN

Mã số thuế: 0200124891-003

Địa chỉ: Số 168 đường Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long, Quảng Ninh

Họ tên người mua hàng: CTY TNHH MTV QL VA XAY DUNG GT QNINH

Tên đơn vị: CTY TNHH MTV QL VA XAY DUNG GT QNINH

Mã số thuế: 5700471275

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 5001010000140

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	NỘP KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN, ĐOÀN PHÍ	Lần	1	10.000	10.000
Cộng tiền hàng:					10.000 VNĐ
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.000 VNĐ
Tổng tiền thanh toán:					11.000 VNĐ
Số tiền bằng chữ: Mười một nghìn đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

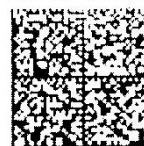
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.17: Hóa đơn GTGT



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao người mua
 Ngày 10 tháng 06 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
 Ký hiệu: BR/111
 Số: 0004257



Đơn vị bán hàng: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh
 Mã số thuế: 0200124891-003

Địa chỉ: Số 168 đường Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh

Họ tên người mua hàng: CTY TNHH MTV QUAN LY VA XAY DUNG GIAO THONG QN

Tên đơn vị: CTY TNHH MTV QUAN LY VA XAY DUNG GIAO THONG QN

Địa chỉ: P.HONG HAI,_HA LONG QUANG NINH

Mã số thuế:

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản: 5001010000140

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CHUYEN TRA VAT LIEU XNXDI	Lần	1	10.000	10.000
Cộng tiền hàng:					10.000 VND
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	1.000 VND
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.000 VND
Số tiền viết bằng chữ: Mười một nghìn đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu)

Biểu 2.19: Hóa đơn GTGT

Công ty TNHH 1.TV Quản lý và XD
Giao thông Quảng Ninh
 Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ - TP Hạ Long - QN

Mẫu số: S03a - DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2011

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
1/6/2011	UNC 0106	1/6/2011	CK nộp kinh phí công đoàn và đoàn phí Phí CK	338 642 133 112	85,000,000 10,000 1,000	85,011,000
			...			
9/6/2011	PC 168	9/6/2011	Thanh toán chi phí sửa chữa xe	642 133 111	2,440,000 244,000	2,684,000
10/6/2011	UNC 1006	10/6/2011	Chuyển trả tiền vật liệu cho XN XD 1 Phí CK	331 642 133 112	52,000,000 10,000 1,000	52,011,000
			...			
22/06/2011	GBC 2206	22/06/2011	Công ty xi măng Cẩm Phả trả tiền sơn vạch phân cách	112 131	25,051,500	25,051,500
			...			
30/06/2011	GBC 3006	30/06/2011	Nhập lãi TGNH tại NH TMCP Hàng Hải	112 515	2,067,852	2,067,852
Tổng phát sinh					23,227,492,601	23,227,492,601

Biểu 2.20: Nhật ký chung

Công ty TNHH 1.TV Quản lý và XD
Giao thông Quảng Ninh
 Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ - TP Hạ Long - QN

Mẫu số: S03b - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
 Năm 2011

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số CT	Ngày CT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		2,427,158,716	
1/6/2011	UNC 0106	1/6/2011	CK nộp kinh phí công đoàn và đoàn phí Phí CK	338 642 133		85,000,000 10,000 1,000
			...			
10/6/2011	UNC 1006	10/6/2011	Chuyển trả tiền vật liệu Cty XD 1	331 642 133		52,000,000 10,000 1,000
			...			
22/06/2011	GBC 2206	22/06/2011	Cty Xi măng Cẩm Phả trả tiền sơn vạch phân cách	131	25,051,500	
			...			
24/06/2011	UNC 2406	24/06/2011	Chuyển trả BHYT-TN tháng 6	338		103,000,000
			...			
30/06/2011	GBC 3006	30/06/2011	Nhập lãi TGNH tại NH TMCP Hàng Hải	515	2,067,852	
			Tổng phát sinh		1,427,158,716	1,267,584,017
			Số dư cuối kỳ		2,586,733,415	

Biểu 2.21: Sổ cái TK 112.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH

Trải qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh đã không ngừng củng cố và phát triển, luôn hoàn thành xuất sắc mục tiêu kinh doanh đã đặt ra. Mức tăng trưởng cũng có nhiều tiến bộ, các chỉ tiêu kinh tế đều đạt năm sau cao hơn năm trước, đời sống vật chất tinh thần công nhân luôn được đảm bảo. Năng lực sản xuất kinh doanh cũng ngày càng được tăng cường và phát triển theo hướng hiện đại hóa cả về số lượng và chất lượng. Đó là kết quả của sự phấn đấu trong toàn công ty, là sự hoàn thiện hơn lên về trình độ quản lý và làm việc tại Công ty.

Có được kết quả đáng khích lệ như vậy, không thể không nhắc đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của Công ty được bố trí một cách chặt chẽ với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực và nhiệt tình trong công việc. Mỗi nhân viên trong phòng Kế toán đều hiểu rõ trách nhiệm làm tốt chức năng nhiệm vụ được giao, luôn học hỏi để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Giúp cho quá trình hạch toán số liệu kịp thời, chính xác và thông suốt. Đó chính là kết quả của quá trình hợp lý hóa bộ máy Kế toán của Công ty.

Trên cơ sở thời gian thực tập, cùng với việc đi sâu vào nghiên cứu công tác tổ chức hạch toán kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty, em xin đưa ra một số đánh giá sau:

3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền:*** Về tổ chức quản lý:**

Mô hình quản lý của Công ty được xây dựng một cách gọn nhẹ, hợp lý. Điều này giúp các phòng ban chức năng và tổ đội sản xuất phối hợp nhịp nhàng với nhau, tạo điều kiện cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, tránh được tình trạng đình đốn trong kinh doanh.

Đồng thời ban lãnh đạo Công ty là những người có trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc, luôn quan tâm, chăm sóc đời sống tinh thần cũng như vật chất cho cán bộ công nhân viên. Có tầm nhìn sâu rộng, đưa ra những đường lối, chiến lược đúng đắn để xây dựng và phát triển Công ty vững mạnh.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, phòng tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty, các hạt sản xuất thành viên bố trí các kế toán viên làm nhiệm vụ ghi chép ban đầu, thu thập số liệu gián đơn gửi về phòng tài chính kế toán, kế toán trưởng trực tiếp phụ trách phòng kế toán Công ty. Đây là loại hình tổ chức phù hợp với quy mô sản xuất, kinh doanh hiện tại của Công ty.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức hợp lý, đúng với năng lực, chuyên môn của từng nhân viên, đã hoàn thành công việc chính xác, kịp thời cung cấp thông tin, nâng cao hiệu quả công việc đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin nhanh, kịp thời của công tác kế toán.

Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và hạch toán vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phần hành Công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

*** Về chứng từ kế toán:**

Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ kế toán được quy định theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

*** Về sổ sách kế toán:**

Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho kinh doanh.

*** Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:**

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty nói chung và cán bộ phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

3.1.2. Một số tồn tại về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

Ngoài những ưu điểm đã nêu trên, công tác kế toán vốn bằng tiền ở công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Cuối tháng hoặc định kỳ, công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với kế toán tiền mặt gặp khó khăn.

- Trong quá trình luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị, phòng ban chưa có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất hoặc thất lạc.

- Công ty đang áp dụng hình thức kế toán thủ công. Nên khối lượng công việc của phòng kế toán khá lớn. Đôi khi gây khó khăn cho đội ngũ kế toán viên.

- Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc trích lập này sẽ giúp cho tình hình tài chính của công ty ổn định và được chủ động hơn.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH

Để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, Công ty cần phải tìm hiểu, phân tích những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và các yếu tố tác động đến tổ chức công tác kế toán, nhằm tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhất đáp ứng được yêu cầu quản lý doanh nghiệp mà thực tiễn đặt ra. Công ty cần tuân thủ các yêu cầu sau đây:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành. Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành, có như vậy kế toán mới thực sự là công cụ quản lý không chỉ trong phạm vi doanh nghiệp mà của Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ tài khoản sử dụng, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ kế toán lập báo cáo.

- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp, đảm bảo tính thống nhất về phương pháp đánh giá, về việc sử dụng chứng từ, tài khoản, sổ sách báo cáo.

- Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp giúp việc ra quyết định đạt kết quả tối ưu.

- Phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, các doanh nghiệp cần phải có biện pháp hữu hiệu, hạ thấp chi phí có thể, đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với nhiều doanh nghiệp hiện nay.

Căn cứ vào những tồn tại, khó khăn hiện nay trong công tác kế toán của Công ty. Với sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn và Phòng kế toán Công ty, cùng với những kiến thức đã được học tại trường. Em xin đề xuất một số ý kiến sau hy vọng sẽ góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử

dụng vốn bằng tiền tại Công ty.

3.2.1. Hoàn thiện kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ

Thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra chênh lệch và phải báo cáo giám đốc Công ty để giải quyết.

Phải lập 2 bản kiểm kê quỹ: 1 bản lưu ở Thủ quỹ, 1 bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Biên bản kiểm kê giúp cho nhà quản lý nắm được số tồn thực tế, số chênh lệch so với quỹ trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số: 08a –TT

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào..... giờ..... ngày.....tháng..... năm.....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:.....Đại diện kế toán

Ông/Bà:.....Đại diện kê thủ quỹ

Ông/Bà:.....Đại diện

Cùng tiến hành kiểm tra quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (Tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê theo thực tế		
1	Trong đó: -Loại		
2	- Loại		
3	...		
III	Chênh lệch (III = I – II)		

Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

3.2.2. Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ:

- Quá trình luân chuyển chứng từ còn chậm trễ, Công ty nên có quy định về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

- Trong quá trình luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị không có sổ giao nhận chứng từ, gây khó khăn cho việc giải quyết trong trường hợp bị mất hoặc thất lạc chứng từ.

Mẫu Sổ giao nhận chứng từ:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày Đến ngày

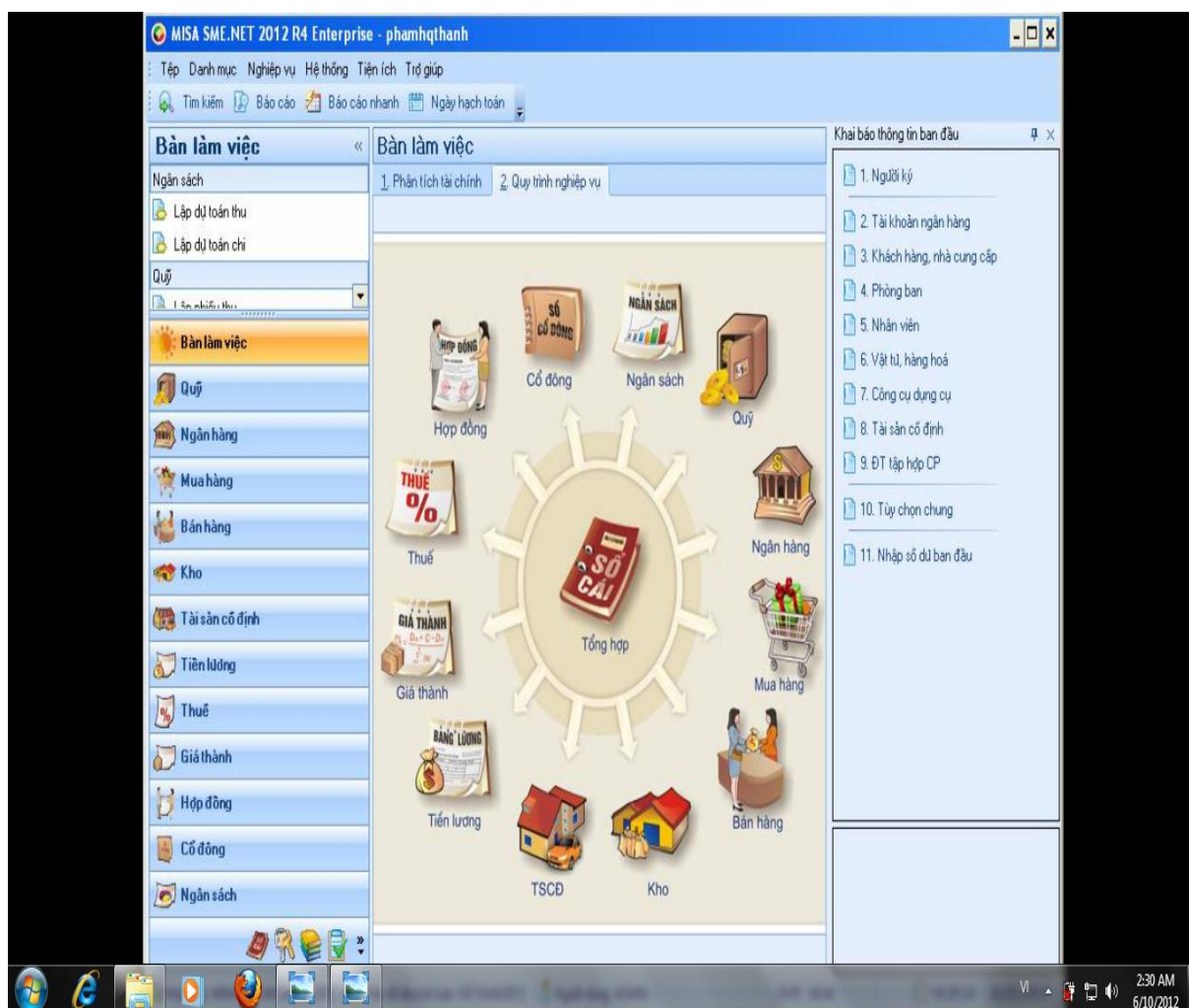
Ngày, tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày, tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận
1	2	3		4	5

3.2.3. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán:

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán có thể giúp Công ty phát triển, giải phóng sức lao động của nhiều cán bộ, công nhân viên. Công ty có thể tìm hiểu, xem xét đưa vào sử dụng một số phần mềm kế toán sau:

1. PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA:

* **Giao diện:** Thân thiện, dễ sử dụng.



* **Tính năng:**

Phần mềm MISA SME.NET 2012 được phát triển trên nền tảng công nghệ mới nhất Microsoft.NET. Tích hợp tính năng ưu việt của các phần mềm có giá trị lớn. Tự động hóa hầu hết các nghiệp vụ kế toán, dữ liệu kế toán được cập nhật từng giây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong công tác hạch toán kế toán.

Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp, đồng thời luôn cập nhật các chế độ tài chính kế toán mới nhất như: Thông tư 13/2008/TT-BTC, 129/2008/TT-BTC, 51/2010/NĐ-CP, 28/2011/TT-BTC, Thông tư 138/2011/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Chế độ

kế toán theo QĐ 48 và QĐ 15, ...

Sử dụng nhiều hình ảnh nghiệp vụ giúp dễ dàng hình dung ra quy trình hạch toán của phần mềm, bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

Bao gồm 13 phân hệ: Ngân sách, quỹ, Ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, TSCĐ, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông, và phân hệ tổng hợp làm trung tâm.

Phần mềm cung cấp hàng trăm mẫu báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, hỗ trợ công cụ lập báo cáo nhanh và chính xác. Từ sổ sách báo cáo có thể truy vấn ngược lại chứng từ gốc.

Phần mềm có thể cung cấp các chỉ số tài chính thông qua đồ thị hoạt động tài chính. Hỗ trợ lập kế hoạch chi tiết cho công việc, giao việc cho cấp dưới, tự động nhắc việc khi đến hạn. Ngoài ra, còn cung cấp thư viện tài chính kế toán cho doanh nghiệp tìm hiểu dữ liệu nghiên cứu.

Cập nhật chế độ kế toán và tài chính mới nhất thông qua Internet mà không phải cài đặt lại phần mềm.

Sẵn sàng trao đổi dữ liệu với các hệ thống khác. Hoạt động tốt cả trên máy tính cá nhân cũng như trong mạng nội bộ, giúp nhiều người sử dụng cùng làm việc trên một tệp dữ liệu kế toán.

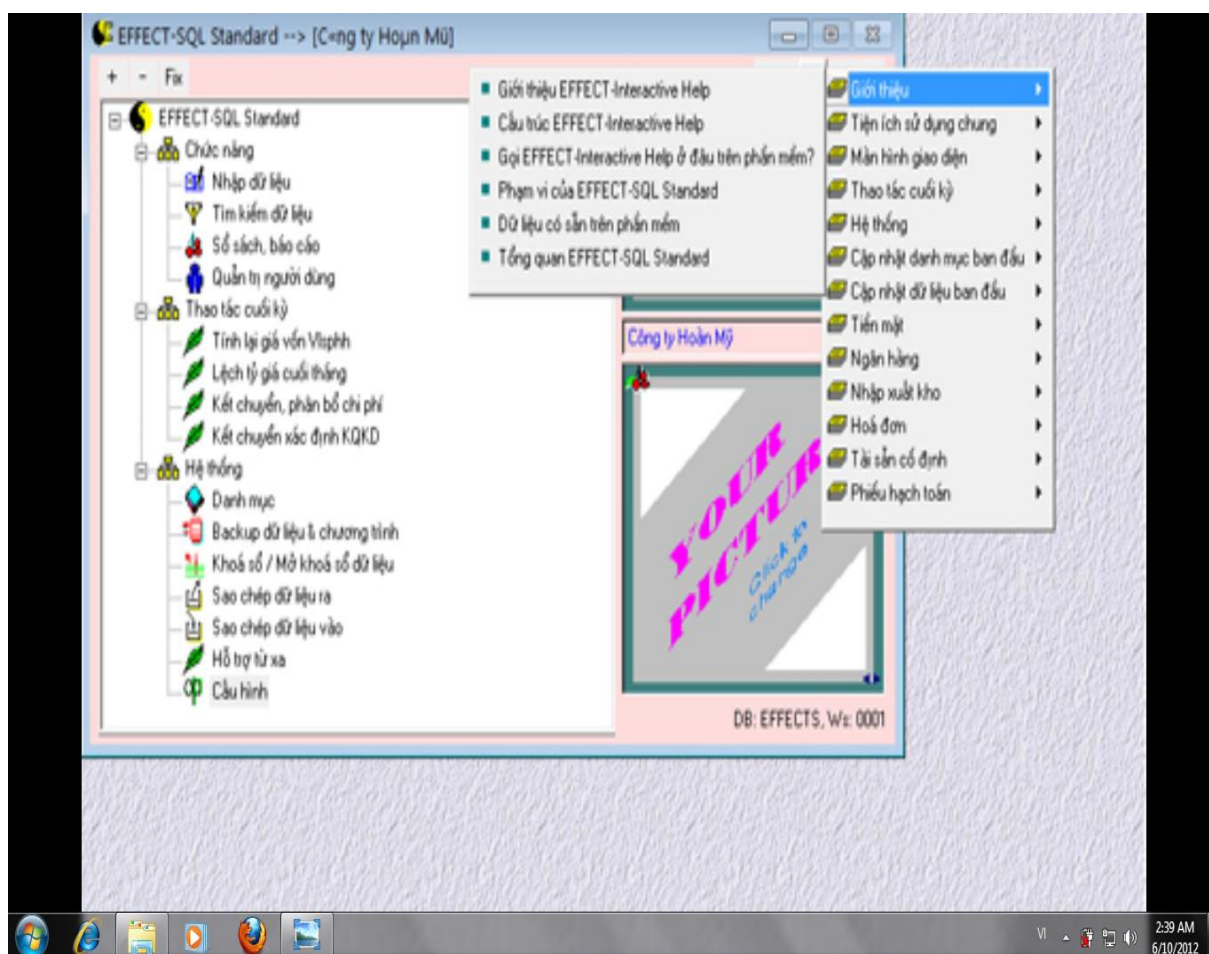
Phần mềm Misa là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các đơn vị trong việc thực hiện các nghiệp vụ kế toán của công tác hạch toán kế toán. Tài chính của đơn vị luôn tập trung giúp thủ trưởng đơn vị luôn nắm được hoạt động tài chính tại mọi thời điểm.

Hệ thống tư vấn hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp.

* **Báo giá:** 9.950.000 VNĐ

2. PHẦN MỀM KẾ TOÁN EFFECT:

* Giao diện:



* Tính năng:

Ngoài việc đáp ứng hoàn toàn chế độ kế toán theo quyết định 15/QĐ-BTC dành cho doanh nghiệp vừa và lớn, Effect còn cung cấp khả năng quản trị trên phần mềm như quản lý công tác kế toán theo vụ việc, hợp đồng công trình theo địa danh, phân tích dữ liệu sau khi hiện báo cáo là ưu điểm nổi trội của Effect so với các sản phẩm khác.

Khi doanh nghiệp có các yêu cầu đặc thù bắt buộc phải lập trình riêng biệt, có thể sử dụng đến các phiên bản phần mềm Customeize của Effect.

Khả năng có thể chạy được từ xa qua Internet, có thể nâng cấp phần mềm.

Phần mềm đóng gói dễ cài đặt, dễ sử dụng.

Dịch vụ hỗ trợ từ xa chu đáo, kịp thời.

*** Báo giá:**

- Chi phí bản quyền sử dụng phần mềm:

Tất cả các phần hành: 5.000.000 VNĐ

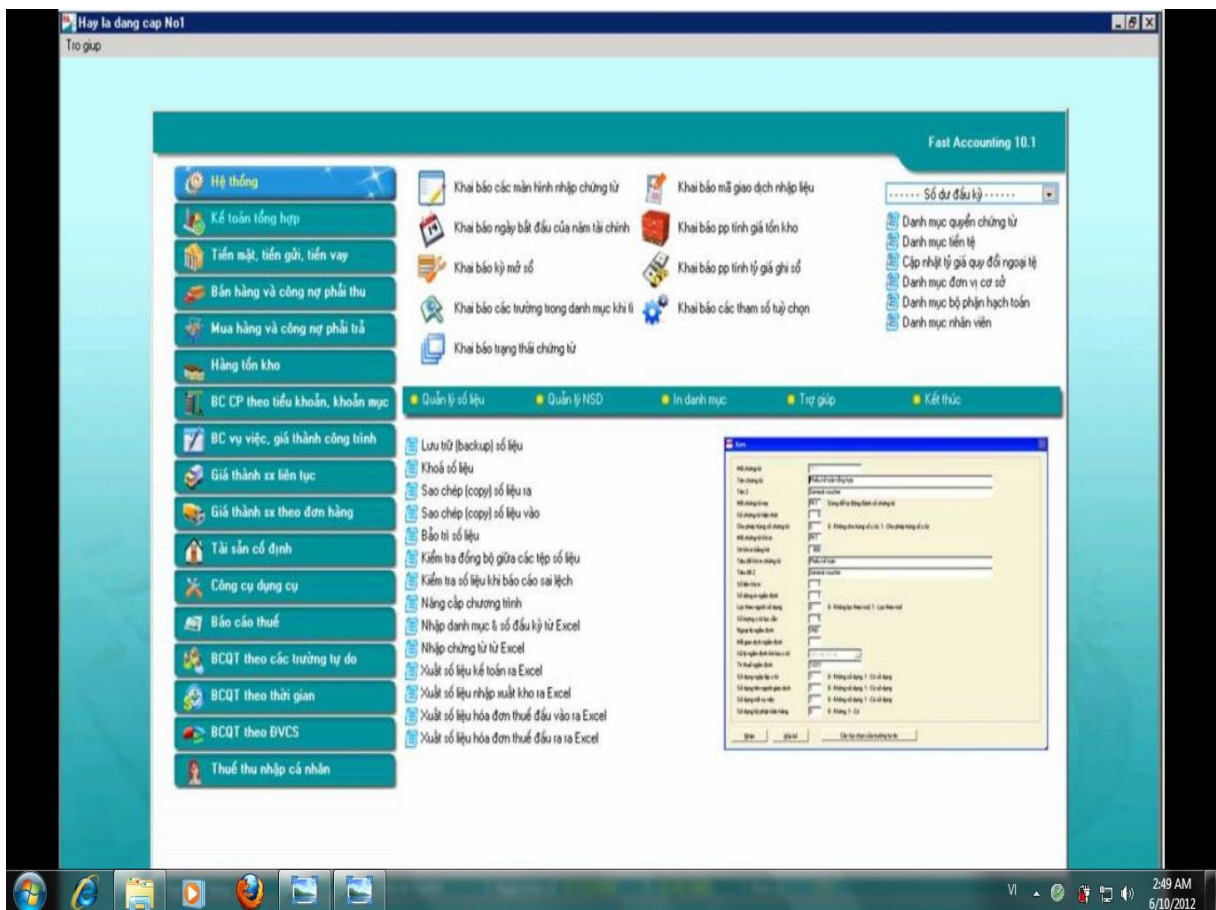
Không có phần hành tính giá thành: 3.000.000 VNĐ

- Chi phí theo quy mô doanh nghiệp:

Khi doanh nghiệp sử dụng trên 1 máy trạm thì phí tính thêm là 500.000 VNĐ/máy.

3. PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUTING:

*** Giao diện:**



*** Tính năng:**

- Phần mềm kế toán FAST ACCOUTING đáp ứng những nhu cầu kế toán thông thường của doanh nghiệp.

- Cập nhật bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Hỗ trợ kết xuất dữ liệu báo cáo thuế, BCTC sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế.

- Khả năng bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy cập chi tiết đến từng chức năng và công việc trong chương trình cho người sử dụng.

- Giao diện và báo cáo theo 2 ngôn ngữ Việt và Anh.

- Cung cấp phản ánh đầy đủ tình hình tài chính một cách kịp thời cũng như đưa ra hệ thống báo cáo theo chuẩn mực nhà nước phục vụ công tác kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp.

- Môi trường làm việc có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ.

*** Báo giá: 10.000.000 VNĐ.**

Theo ý kiến cá nhân của em, Công ty nên lựa chọn đưa phần mềm kế toán Misa SME.Net 2012 vào sử dụng. Bởi 1 số lý do sau:

- Misa là phần mềm kế toán có thương hiệu, uy tín lớn, là lựa chọn của rất nhiều công ty.

- Giúp cải thiện hiệu năng làm việc của doanh nghiệp.

- Giao diện thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng.

- Tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp. Mà tiết kiệm chi phí có nghĩa là thêm thu nhập và tăng tốc độ phát triển.

- Giá cả trọn gói hợp lý.

- Phát triển theo công ty, luôn cập nhật các quy định chính sách mới. Công ty có thể nâng cấp phiên bản tốt hơn thông qua Internet mà không cần cài đặt lại phần mềm, có thể mở rộng quy mô ứng dụng.

3.2.4. Về việc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Công ty hiện có một số khoản nợ của khách hàng đã quá hạn. Điều này gây khó khăn cho Công ty khi cần huy động vốn. Công ty cần phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Theo Thông tư 228/2009 TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009, đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức trích lập dự phòng
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< t < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$t > 3$ năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán chung tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thể thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty nên lập Bảng kê các khoản nợ phải thu khó đòi như sau:

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến 31/12/2011

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	KHOẢN NỢ	THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG
1	Công ty TNHH Bách Tùng	150.000.000	7 tháng 17 ngày	45.000.000
2	Công ty TNHH 3-8	181.560.000	14 tháng	90.780.000
3	Công ty TNHH Mai Long	93.920.000	16 tháng 12 ngày	46.960.000
	TỔNG	425.480.000		182.740.000

Kế toán tính, xác định số nợ dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ghi bút toán:

Nợ TK 642: 182.740.000

Có TK 139: 182.740.000

TK 139-“Dự phòng phải thu khó đòi: dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

*** Kết cấu:**

- Bên Nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Bên Có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Số dư bên có:

Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán kế toán & Một số nghiệp vụ chủ yếu:**

1. Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

2. Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi).

3. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xoá nợ. Việc xoá nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác.

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

4. Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.. .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

5. Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho Công ty mua, bán nợ. Khi doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán) cho Công ty mua, bán nợ và thu được tiền, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.. . (Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Nợ các TK liên quan (Số chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền thu được từ bán khoản nợ và số đã được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chính sách tài chính hiện hành)

Có các TK 131, 138,.. .

Bên cạnh đó, Công ty nên có các chính sách khuyến khích như chiết khấu thanh toán đối với khách hàng thanh toán tiền ngay hoặc thanh toán trước hợp đồng. Hoặc có thể yêu cầu khách hàng đặt cọc, tạm ứng trước một phần giá trị đơn đặt hàng, có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng để phòng rủi ro xảy ra.

Trên đây là 1 số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền mà em mạnh dạn nêu ra, mong rằng đó là những phương hướng đem lại hiệu quả cho Công ty.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh đã giúp em nắm bắt được thực tế tổ chức công tác kế toán tại công ty, từ khâu lập chứng từ kế toán, tập hợp các chứng từ gốc, kiểm soát và luân chuyển các chứng từ kế toán, ghi chép một cách hệ thống sổ kế toán, thực hiện các phần hành kế toán, xác định kết quả kinh doanh... Từ đó đã giúp em có cơ sở để đối chiếu giữa lý luận với thực tế để bổ sung cho kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng, phương pháp của người cán bộ kế toán và cách thức tổ chức thực hiện công tác kế toán.

Do thời gian thực tập có hạn, việc thu thập tài liệu, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty còn chưa sâu và do kiến thức thực tế còn nhiều hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đánh giá, góp ý của thầy cô bộ môn để bài viết của em hoàn chỉnh và sát với thực tế.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô ThS. Nguyễn Thị Mai Linh, Ban giám đốc và các cán bộ nhân viên phòng kế toán công ty TNHH 1.TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh đã hướng dẫn tận tình trong quá trình thực tập và tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Phạm Thùy Linh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Ngô Thế Chi - PGS.TS. Nguyễn Đình Đỗ - Th.S. Trương Thị Thủy – Th.S. Đặng Thế Hưng, Luật Kế toán Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Tài Chính, tháng 7 năm 2006
2. Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Giao Thông Vận Tải, quý I năm 2010.
3. Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính - Chứng từ và sổ kế toán - Sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Giao Thông Vận Tải, quý I năm 2010.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1

CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP 2

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP:..... 2

1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền:..... 2

1.1.2. Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:..... 3

1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền: 3

1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ:..... 6

1.2.1. Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ:..... 6

1.2.2. Chứng từ sử dụng:..... 7

1.2.3. Tài khoản sử dụng:..... 7

1.2.4. Phương pháp hạch toán: 8

1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG:..... 12

1.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng:..... 12

1.3.2. Chứng từ sử dụng:..... 13

1.3.3. Tài khoản sử dụng:..... 13

1.3.4. Phương pháp hạch toán: 14

1.4. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN 18

1.4.1. Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển:..... 18

1.4.2. Chứng từ sử dụng:..... 18

1.4.3. Tài khoản sử dụng:..... 19

1.4.4. Phương pháp hạch toán: 20

CHƯƠNG II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH..... 21

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH 21

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:.....	21
2.1.2. Chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:	22
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH. 1TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh:	23
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH. 1 TV Quản lý và X.D Giao thông Quảng Ninh:	26
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH:	29
2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:.....	29
2.2.2. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng:.....	44
CHƯƠNG III MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH.....	57
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH ...	57
3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền:.....	58
3.1.2. Một số tồn tại về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:	59
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH. 1TV QUẢN LÝ VÀ X.D GIAO THÔNG QUẢNG NINH	60
3.2.1. Hoàn thiện kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ.....	61
3.2.2. Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ:.....	63
3.2.3. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán:	63
3.2.4. Về việc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:	68
KẾT LUẬN	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO	73